

# **CHUYÊN ĐỀ: “ĐẠO SỬ”**

## **Bài số 2**

### **ĐẠO CAO ĐÀI**

#### **Thời Khai Pháp**

**(1920-1926)**

*(Trích từ Đại Đạo Sử Cương của HT. Trần Văn Rạng, Đạo Sử của Bà Đầu Sư Hương Hiếu)*

**(Phụ trách: HT. Mai Văn Tìm)**

---

#### **\* MUC LUC**

- 1. Người đệ tử Cao Đài đầu tiên**
- 2. Thiên Nhân hiển hiện lần đầu tiên**
- 3. Đấng A, Ǻ, Ǻ giáo Đạo (Tại Sài Gòn)**
- 4. Hội Yến Diêu Trì Cung**
- 5. Vọng Thiên cầu Đạo**
- 6. Các vị Tông đồ đầu tiên và cơ Phổ hoá**
- 7. Thiên phong đầu tiên**
- 8. Các Đàn lệ và lễ Nhập môn**
- 9. Việc tạo quả Càn Khôn thờ Đức Chí Tôn**
- 10. Số Đồ đệ của Kỳ ba tam chuyển**
- 11. Khai Đạo với Chánh phủ Pháp**
- 12. Thầy giao quyền cho Đức Lý Thái Bạch**

#### **I- NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.**

Người Việt Nam đầu tiên được diễm phúc làm đệ tử Cao Đài là ông Phủ Ngô Văn Chiêu, người Chợ Lớn. Vào ngày 1 tháng 3 năm 1920, ông phủ Ngô Văn Chiêu được đổi ra Hà Tiên, một tỉnh thuộc miền duyên hải Tây Nam Sài Gòn. Hà Tiên từ thuở xưa vẫn được nổi tiếng là có thắng cảnh thu hút nhiều du khách.

Trên đất liền thì có các núi như núi Lãng trông thẳng ra biển sẽ thấy mộ phần Mạc Cửu, thân sinh Mạc Thiên Tích, nổi tiếng nhờ 10 bài “ Hà Tiên Thập Vịnh Cảnh”, một cự thần nhà Minh, rồi núi Thạch Động, núi Đá dựng. Phía trước châu thành Hà Tiên có núi Tô Châu

gồm có Đại Tô Châu và Tiểu Tô Châu, ngó thẳng ra Đông Hồ, xa hơn nữa thì có Mũi Nay, Hòn Phụ Tử ..v..v..Các núi này toàn đá vôi nên lắm động, nhiều hang tạo thành khung cảnh huyền bí, thần tiên. Nhờ non sông chung đúc dân chúng ở đây sớm biết cách phò Cơ thỉnh Tiên.

Vốn là người mộ Đạo, ông phủ Ngô Văn Chiêu thường lên núi Thạch động để phò Cơ thỉnh Tiên nhờ hai đồng tử. Một vị Tiên cô xưng là Ngô Kim Liên giáng cho Ông thi:

I- *Văng vẳng nhạc kêu bạn giữa thu,  
Rằng Trời cùng đất vẫn xa mù.  
Non Tây ngảnh lại đường gai góc,  
Gắng chí cho thành bực trượng phu.*

II- *Ngân ngân trăng tỏ giữa trời thu,  
Cái cảnh Tây phương vẫn mịt mù.  
Mắt mẹ nào ai trông thấy nay,  
Lắm công trình mới đúng công phu.*

Ngô Tiên cô khuyên tu nhưng ông phủ Ngô Văn Chiêu chưa thấm nhuần chơn Đạo.

Ngày 26 tháng 10 năm 1920, ông được lệnh đổi ra **đảo Phú Quốc**. Phú Quốc về phía Tây tỉnh Kiên Giang, trông hình một tam giác chiều dài nằm trong vĩ tuyến  $10^{\circ}6$  đến  $11^{\circ}56$  ( 50 cây số) ; chiều rộng nằm trong kinh tuyến  $113^{\circ}74$  đến  $114^{\circ}$  ( 30 cây số).

Xung quanh Đảo về phía Nam còn một số đảo nhỏ. Phú Quốc có 99 ngọn núi, phần nhiều núi nhỏ và đôi chỉ có một vài ngọn núi cao. Diện tích 66.000 mẫu tây. Dân số đông vào khoảng 10 ngàn người đa số là người Việt Nam rồi đến Hoa Kiều và người Kampuchia. Giữa đảo có núi Đứng Đứng cao hơn trăm thước. Chính trên đỉnh núi này mà ông phủ Ngô Văn Chiêu lập đàn thỉnh Tiên.

Từ khi Ông ra trấn nhậm đảo hễ Ông lập Đàn thì có Tiên giáng không như trước kia cầu cơ rất khó khăn. Một hôm có một vị Tiên Ông giáng chẳng chịu xưng danh, bảo ông phải chịu làm đệ tử thì sẽ dạy Đạo và bảo bỏ kinh Minh Thánh đừng tụng nữa. Về sau, Ông mới biết vị Tiên ông đó là Ngọc Hoàng Thượng Đế. Rồi bữa kia, Tiên Ông giáng cơ bảo Ông phải lo tu và ăn chay thêm cho đủ 10 ngày trong một tháng.

Ông nghĩ rằng : “Mình đương làm quan, nay người này mời, mai người khác thỉnh, nếu chịu ăn chay 10 ngày, rồi sau rủi quên ăn mặn thì có tội với Trời Phật. Nhưng nếu theo lời dạy mà được có kết quả thì cũng rán mà ăn. Nếu ăn chay 10 ngày khi chết còn phải chịu luân hồi thì thà ăn 2 ngày còn hơn. Miễn là mình lo tu như tích đức, chẳng làm trái với lương tâm thì thôi. Ông định, khi cầu Tiên sẽ bạch lại như vậy.

Vào đêm mồng 1 tết Tân Dậu (8-2-1921) có người thợ bạc có chuyện muốn cầu Tiên, đến mời Ông chứng Đàn. Tiên Ông giáng Cơ chưa kịp bạch hỏi chi thì Cơ viết như vậy: “Chiêu, tam niên trưởng trai”.

Thấy vậy, Ông rất bối rối vì Ông chưa chịu ăn chay 10 ngày mà nay Tiên Ông lại ra lệnh trường chay 3 năm. Ông mới bạch rằng: “Bạch Tiên Ông, Tiên Ông đã dạy thì đệ tử phải vâng, mong xin Tiên Ông phải bảo hộ đệ tử chớ trường trai 3 năm lâu quá chẳng biết đệ tử có chịu nổi hay không và xin Tiên Ông bảo lãnh, nếu đệ tử vâng theo lời dạy thì phải có chứng quả chi mới được”. Tiên Ông bảo cứ theo lời dạy thì sau sẽ rõ.

Ông phủ Ngô Văn Chiêu khởi sự trường trai và học đạo kể từ đây. Tiên Ông thường giảng Cơ truyền Đạo cho Ông tu và dặn phải giữ bí truyền chừng nào tới thời kỳ khai Đạo thì Tiên Ông sẽ dạy.

## **II- THIÊN NHÃN HIỂN HIỆN LẦN ĐẦU TIÊN.**

Tuy Ông đã làm đệ tử của Tiên Ông chớ chưa lập bàn thờ vì không biết phải thờ ra sao. Một buổi sáng lối 8 giờ, Ông đứng ngồi trên võng, phía sau dinh Quận ở Phú Quốc, bỗng đầu thấy trước mắt cách xa độ 2 thước lộ ra con mắt thiệt lớn, rất tinh thần, chói ngời như mặt Trời Ông ấy làm sợ hãi lấy hai tay đập mắt lại chừng 30 giây ông mở mắt ra thì thấy con mắt cũng còn và lại chói sáng hơn nữa. Ông liền chấp tay vái rằng: “Bạch Tiên Ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhân thì xin cho biến mất tức thì”. Vái xong thì con mắt lu dần rồi mất.

Dù vậy, Ông vẫn chưa thiệt tin nên chưa tạo Thiên Nhân mà thờ. Cách vài ngày sau, Ông cũng thấy như lần trước nữa. Ông khẩn nguyện sẽ tạo Thiên Nhân mà thờ, tự nhiên con mắt biến mất.

### **\* Đức Cao Đài Tiên Ông xưng danh tại Quan Âm Tự (Đảo Phú Quốc)**

Năm 1921, Sau khi thấy Thiên Nhân hiện 2 lần, Ông cầu cơ hỏi cách thờ phượng thì Tiên Ông đã dạy vẽ con mắt như đã thấy mà thờ và xưng danh là: “**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**” và dạy Ông chỉ kêu Tiên Ông bằng Thầy mà thôi. Từ đó, Ông chính thức trở thành người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài<sup>1</sup>

Lần lần Đức Cao Đài truyền đạo cho Ông tu. Ông quyết chí tu hành, trường trai giới sát và Ông thệ nguyện rằng “Nếu độ Ông thành Đạo thì Ông sẽ lo độ lại chúng sanh tùy theo phước đức của mỗi người”. Khi tu được 3 năm thì Thầy khuyên Ông: “Ba năm lao khổ độ nhất nhân, mắt Thầy xem rõ lòng đã chắc, thương vì con trẻ gắng chí tầm phương biết Đạo mầu”. Sau vì nhiều người ganh tỵ xúi dân kiện thưa, Ông đặc lệnh đổi về Saigon ngày 30 tháng 7 năm 1924, âu cũng là Thiên cơ dĩ định vậy.

## **III- ĐẮNG A, Ẫ, Ậ. GIÁO ĐẠO (Tại Sài Gòn)**

*“Trong năm Ất Sửu (1925) các thầy, các ông, từ hạng Thông phán, Phủ huyện, muốn tìm một sự thật mà thiên hạ đã làm đảo lộn trong giới trí thức đương thời là: “Con người có thể thông công cùng các đấng Thiêng Liêng vô hình được”. Thuyết này đã làm cho cả Âu Châu*

---

<sup>1</sup> Lịch sử Quan Phủ Ngô văn Chiêu, Sai gon, 1962, trang 28-29.

sôi nổi, nhiều sách báo tung ra cả hoàn cầu do các Hội Thần linh học và Thông thiên học đã khảo cứu một cách rõ rệt : “Loài người có thể sống nơi cảnh Thiêng liêng kia như chúng ta đang sống”. Cái thuyết lý ấy làm cho nhiều người, nhất là hạng học thức tìm hiểu.

Trong số này có các Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang thường họp nhau xây bàn thỉnh các vong linh quá cố về xướng họa thi-thơ, và tìm hiểu về thế giới vô hình, cùng hỏi về tương lai vận mạng của mình và của dân tộc. Trong khi tiếp xúc cũng được các vong linh xướng họa những vần thơ tuyệt tác, cũng như cho những tiên tri, sau đó họ thấy được ứng nghiệm, những thân nhân đã ly trần về cho biết những điều riêng tư khi còn sinh tiền, làm cho những vị này càng thêm tin tưởng..

“Trong hạng học thức ấy có một người cố tâm hơn hết là Đức Cao Thượng Phẩm. Ban sơ chưa biết gì! Chỉ làm theo phương pháp bên Âu Châu hay bên Pháp là Xây Bàn. Chúng tôi muốn tìm hiểu huyền vi bí mật của thiêng liêng đã tạo ra càn khôn vũ trụ”(Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp ngày 13-10 giáp Ngọ-1954).

Mặt khác, vốn là những nhà thi sĩ và chất chứa nơi tâm nỗi căm hờn vì nước nhà bị đô hộ, ba vị này (Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang) mượn thú xây bàn mời vong linh những người quá vãng để cầu hỏi về vận mạng tương lai của tổ quốc” (Lời xác nhận của Đức Cao Thượng Sanh về Đạo sử xây bàn ngày 22 –12 Đinh Mùi, 1968).

“Ngày nay, dù sao chúng ta cũng không thể phủ nhận lòng ái quốc chân thành của các nhà lãnh đạo Cao Đài ...” (Phạm Văn Sơn, chế độ Pháp thuộc ở Việt Nam, Sài gòn 1972, tr.178).

Do đó, vào ngày 25-7-1925 (Ngày 5-6-Ất Sửu) hai Ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến nhà ông Cao Hoài Sang, bên cạnh chợ Thái Bình (Saigon) để thăm viếng và hàn huyên tình đời thế sự. Càng lúc càng khuya có lẽ vì thần linh thúc giục, các ông mới nghĩ đến việc Xây bàn.

Ba ông đem ra trước hiên nhà một cái bàn vuông 4 chơn kê cho 1 chân hồng đất rồi đồng để tay lên bàn khấn vái. Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, ba vị đốt nhang khấn nguyện từ 21 giờ tối đến 2 giờ đêm có nhiều vong linh nhập bàn viết tiếng Anh, Pháp và Hoa ngữ. Cũng có 1 vong linh học sinh Hà Nội viết tiếng quốc ngữ. Cái bàn gỗ khi chũng chạc, khi lựng khựng dường như có nhiều vong linh tranh nhau để nói chuyện. Do đó các ông nản lòng ngưng xây bàn.

Việc xây bàn thật vất vả vì chỉ có khẩu ước với đấng vô hình trong vần quốc ngữ. Như nhịp một lần “A” hai lần là “Ă” và 3 lần là “Â”.. v.v.. khi chân bàn ngừng chỗ nào thì người ngồi ngoài biên chữ ấy, rồi nhiều chữ ghép thành 1 tiếng nhiều tiếng mới ghép thành lời văn hay câu thơ. Nhưng về sau nhờ thuần điển và quen việc nên sự tiếp chuyện với các Đấng Thiêng liêng càng mau lẹ và rõ ràng.

Qua đêm thứ nhì (26-7-1925) ba ông lại xây bàn thì đúng 24 giờ có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành bài thi bát cú Đường luật:

## **THI**

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi  
Mi mới vừa lên ước dặm mười  
Tổng mển lời khuyên bên mộ chếp  
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.  
Bên màn đôi lúc trêu hồn phách  
Côi thọ nhiều phen dặm thành thơi  
Xót nỗi vợ hiền còn lụn cùm,  
Gặp nhau nhắn nhủ một đôi lời.*

Ký tên Cao Quỳnh Tuân<sup>2</sup>

Cụ Cao Quỳnh Tuân là thân phụ ông Cao Quỳnh Cư qua đời đã 25 năm. Ông Cư đọc tới câu thứ 7 quá ngâm ngùi. Cả ba cảm phục ý nghĩa của bài thơ. Đến đêm 30-7-1925 (10-6 Ất Sửu), ba ông lại họp nhau tại nhà ông Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn. Hôm nay có một nữ vong linh giáng đàn cho thi:

## **THI**

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?  
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.  
Những ngõ trao duyên vào ngọc các  
Nào dè phải nợ xuống tuyền đài.  
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,  
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.  
Dồn dập tương tư oằn một gánh,  
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai.*

Ký tên ĐOÀN NGỌC QUẾ

## **HOA VÂN**

*1- Ngẩn bút hoà thi tủi phận ai,  
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.  
Tình thâm một gánh còn dương thế,  
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài.  
Để thăm xuân đường như ác xế,  
Gieo thương lữ khách ngóng tin mai.  
Hèm gì chưa rõ đầu đuôi thế,  
Ngẩn bút hoà thi tủi phận ai.*

PHẠM CÔNG TẮC

---

<sup>2</sup> Ông Cao Q. Tuân nguyên là Xuất Bộ Tinh Quân giáng phàm, (Cao Đài Tự Điển - HT. Nguyễn Văn Hồng)

2- Rằng liễu khóc oanh có mấy ai,  
Mộ người quốc sắc đáng thiên tài.  
Nhìn văn độ phẩm hàng khuê các,  
Xót bạn tri âm cõi dạ đài.  
Ngàn dặm hoa trôi, sầu cụm trước,  
Một mồ cỏ loáng ử nhành mai.  
Cửu tuyền hôn Quế linh xin chứng,  
Rằng liễu khóc oanh có mấy ai.

CAO QUỲNH CƯ

3- Nửa chùng xuân gãy tử thân ai,  
Nông nổi nghĩ thôi tiếc bấy tài.  
Ngọc thốt dấm bì trang tuấn kiệt,  
Vàng rơi riêng chạnh khách chương đài.  
Những ngờ duyên thắm trao phòng bích,  
Hại nổi xương tàn xū giậu mai.  
Một dĩa đồng tâm bao thuở nối.  
Nửa chùng xuân gãy tử thân ai.

CAO HOÀI SANG

Ba ông họa lại ba bài. Riêng ông Cư hỏi cô Quế hồi còn sống ở đâu – Cô đáp: “Ở Chợ Lớn”. Cô tên thật là Vương Thị Lễ kêu ông Vương Quan Kỳ bằng chú<sup>3</sup>.

Hôm sau thì ông Cư mời ông Tắc và ông Sang qua nhà ông để xây bàn mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi. Ba ông hỏi cô Quế về việc thượng giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các ông càng thêm học hỏi. Cô gọi ông Cư là anh cả, ông Phạm Công Tắc là Nhị ca, ông Cao Hoài Sang là Tam ca còn cô là Tứ muội.

Đến hạ tuần tháng bảy năm đó, ba ông lại xây bàn bồng có một ông giáng xưng là A, Ǻ, Ầ cho bài tứ tuyệt.

### **THI**

Ớt cay cay ớt gãm mà cay,  
Muối mặn ba năm muối mặn dai.  
Túng lú đi chơi nên tấp lại,  
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

Ông Cư hỏi ông A, Ǻ, Ầ mấy chục tuổi, ông gõ bàn hoài không ngừng, nên ông Cư không dám hỏi nữa. Từ đó về sau, hễ cơ ai giáng xuống cho thi thì ba ông cầu ông A, Ǻ, Ầ giải nghĩa.

---

<sup>3</sup> Trích quyển “Công đức Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật”, tác giả HT.Trần Văn Rạng, 1973.

Đến cuối tháng đó, cô Đoàn Ngọc Quế giới thiệu các Tiên nương: Hồn Liên Bạch, Lục Nương, Nhứt Nương. Các ông rất mừng được thêm bạn thi thơ, nên mời các cô ngày rằm trung thu đến, Cô Quế nói rằng: “Ba anh muốn cầu thì ngày đó phải ăn chay, cầu mới được”. Ba ông đồng ý.

#### **IV- HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG.**

Tại nhà ông Cao Quỳnh Cư số 143 Bourdais (Nay là Calmette) Sài Gòn vào ngày 15-8 Ất Sửu (1-9-1925) lập bàn hương án, chưng những hoa thơm và xông trầm trọn ngày. Do lệnh Đức Chí Tôn (Tá danh là A, Ẫ, Ậ) hạ lệnh bảo làm một yến tiệc. Ngài dạy sắp đặt để đãi các Đấng vô hình, đãi 10 người: Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Phần hữu hình có ba ông. Việc lo cỗ bàn do bà Nguyễn Thị Hiếu (Tức bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu), trên bàn thờ Phật Mẫu, dưới sắp 9 cái ghế. Ba ông thì ngồi ăn, còn bà Hiếu thì đi gấp đồ ăn để vào chén cho 9 vị và trên bàn thờ Phật Mẫu. ***Đó là Bí pháp truyền thống của Đạo Cao Đài.***

Hiện nay, hằng năm đều tổ chức Lễ Hội Yến Điều Trì Cung để tán tụng công đức của chư vị Tiên Nương, có đại công trong việc khai Đạo, vào 15-8 Âm lịch.

Khi Hội Yến xong, ông Cư và Tắc hỏi Đức Chí Tôn:

- Khi này Điều Trì Cung đến, Ngài có đến không?
- Có chứ, Ta ở đây từ lúc ban sơ, Đức Chí Tôn trả lời. Ông Tắc lại hỏi:
- Như em tôi Thất Nương (Cô Đoàn Ngọc Quế) có thể đạt Đạo đặng chăng?
- Phải tu, bằng không thì chẳng được.

Sau đó, các ông học Đạo với Cửu vị Tiên Nương.

*Vái van xin quý Cửu Tiên nương,  
Tâu với Ngọc hư tổ ngọn nguồn.  
Vì nghĩa.....mang trọng tôi,  
Nghĩ tình đồng Đạo để tình thương.*

Vào đầu tháng 12-1925, ông Nguyễn Trung Hậu nghe đồn tại nhà ba ông Cư, Tắc, Sang có Tiên về cho thi hay lắm mới đến nhà ông Cư xem coi thiệt giả. Ông A, Ẫ, Ậ gõ bàn cho thi:

*THUẦN văn chất Đức tài cao,  
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.  
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,  
Đến hồi búa Việt giục cờ Mao.*

Nhờ điểm danh đúng bút hiệu Thuần Đức, nên ông Hậu mới chịu theo Đạo, rồi lần lượt độ các ông trong hàng Thập Nhị Thời Quân.

Nhắc lại lúc ông Nguyễn Trung Hậu đến xem đàn Cơ xin thỉnh ông Huỳnh Thiên Kiều tự Quý Cao, bạn thân về thi, thơ của ông lúc còn sanh tiền. Ông Quý Cao nhập bèn cho bài thơ tứ tuyệt sau đây:

*Âm dương tuy cách cũng chung trời,  
Sinh tịch đời người có bấy thôi.  
Chén rượu đồng tâm nghiêng giữa đố,  
Thương nhau nhấn nhủ một đôi lời.*

Ông Hậu xem bài thi, nhưng còn nửa tin nửa nghi, ông liền nói rằng: “Tôi sẵn có làm một bài thi đem theo đây, xin đọc cho anh nghe và xin anh họa lại chơi cho vui”. Ông Quý Cao gõ bàn hai cái, có nghĩa là đồng ý. Ông Hậu xướng thi:

*Mấy năm vùng vẫy cũng tay không,  
Đường thế chiêm bao một giấc nông.  
Nặng nghiệp phong trần buồn với phận,  
Lo bề trung hiếu thẹn cho lòng.  
Trời cao chưa phủ tình mây bạc,  
Đất túng càng khinh chốn chấu lồng.  
Chừ gặp cố nhân lời dám hỏi,  
Hỏi ra cho biết vận cùng thông.*

Ông Quý Cao liền gõ bàn họa lại một cách suông sẽ như vậy:

*Một tiếng u minh giống cửa không,  
Phồn hoa giục tỉnh giấc đương nông.  
Ngồi thuyền Bát nhã qua tình biển,  
Mượn nước nhàn dương rưới lửa lòng.  
Cuộc thế lạnh lùng làn gió lọt,  
Đường đời ngán ngẩm bụi trần lồng.  
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên Đạo,  
Oan trái phải rồi phép Phật thông.*

Sau đó ông Phạm Minh Kiên và ông Lê Thế Vĩnh (Sau thọ phong Tiếp Thế) là nhà báo đến viếng ông Cao Quỳnh Cư, đang lúc Đấng A, Ẫ, Ầ giáng. Ông Cư xin cho mỗi người một bài thi để kỷ niệm, Đấng A, Ẫ, Ầ đáp: “Để Bần Đạo cho chung hai người một bài thi mà thôi”.

*Một viết với thân giữa diên đàn,  
Bằng xua trước giặc vạn binh lang.  
Đạo Đời ví biết Đời là trọng,  
Dạy dỗ sao choặng mở mang.*



Người người đều thán phục, bài thi chỉ có bốn câu mà gồm đủ hình trạng, tâm sự của hai nhà báo.

Một hôm khác, Ông Cao Quỳnh Cư bàn với các bạn rằng “Bình sanh tôi lấy làm khâm phục thi văn ông Lý Bạch. Vậy chúng ta cầu thử người coi”. Sau khi dâng lễ, khẩn vái, thi sĩ Lý Bạch về cho thi:

### **THI**

*Đường trào hạ thế hưởng Tam quan,  
Chẳng vị công khanh chỉ hưởng nhàn.  
Ly rượu trăm thi đời vẫn nhắc,  
Tánh tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.  
Một bầu phong nguyệt say ngư ngáo,  
Đầy túi thơ văn đổ chứa chan.  
Bồng đảo còn mơ khi bút múa,  
Tả lòng thế sự, vẽ giang san.*

Sau đó quý ông mời nhà thơ Đỗ Phủ về hoạ như vậy:

### **HOA**

*Chẳng kể công khanh bỏ ấn quan  
Bồng Lai vui Đạo hưởng an nhàn  
Thi Thần vui hứng ngoài rừng trước  
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn  
Nông hạ trời thương đưa gió quạt  
Nắng thu đất cảm đổ mưa chan  
Vân du thế giới vui mùi Đạo  
Mơ viếng Kỳ sơn, tối Cẩm san.*

Nhờ cầu vị Tiên nào được vị Tiên ấy, nên các ông lấy làm đặc chí. Âu cũng là Thượng Đế an bày để thấu phục các vị Tông Đồ đầu tiên.

Dẫu vậy, ông Cao Hoài Sang cũng rất thận trọng để đặt niềm tin đúng chỗ. Ông có làm một bài thi tự thuật cho các thi sĩ hoạ chơi. Rồi cũng xây bàn thỉnh Tiên, vong linh cụ Cao Hoài Ân (Thân sinh ông Sang) giáng Đàn. Ông Cao Quỳnh Cư thưa rằng: “Sẵn dịp anh về đây, sẵn có bài thi tự thuật của Sang, cậy mấy anh em tôi hoạ. Vậy anh hoạ chơi luôn thể”. Ông Cao Quỳnh Diêu tiếp lời nói rằng: “Anh đề thi mà khuyên dạy nó và lấy vần *voi, mòi, còi, roi, thoi*, của bài “Từ Thứ Qui Tào” mà hoạ lại. Chơn linh cụ Cao Hoài Ân cho thi:

### **THI**

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi  
Vận thới hầu nên đã thấy mòi  
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rỗi*

*Rừng tùng buổi trước một cây còi  
Hồng nương dặm gió chi sồn cánh  
Ngựa ruổi đường hoè há nhọc roi  
Nín nấp chờ qua cơn bĩ cực  
Thìn lòng chúng có lượng đôi thoi.*

Từ đó ông Cao Hoài Sang mới thật tin và theo tiếng gọi Thiêng liêng mà hành Đạo. Hết người này đến kẻ khác nghi, Ông Trương Hữu Đức (Sau thọ phong Hiến Pháp) cho các các bạn cố ý giả ngộ chơi. Thế nên ông về nhà đem bàn ra một mình đặt tay lên, miệng vái các vong linh ứng hiện cho thi. Tức khắc có vong linh của lệnh huynh ông giáng cho hai vị thuốc trị ông lành bệnh (Mà ông đã mắc trên 20 năm). Sau có vị Minh Nghĩa Tiên Ông giáng bút cho thi:

**THI:**

*Minh Đức mừng nay đã gặp Thầy,  
Chẳng còn ao ước cái không hay.  
Mừng cầu Âu Á càng thêm mật,  
Mừng nậu cơn đồ đã chịu chay.*

Từ đó ông Trương Hữu Đức hết sức tin tưởng và ăn chay trường luôn. Ngay cả ông Phạm Công Tắc (Sau đắc phong Hộ Pháp) cũng giải rõ tâm sự của mình trong bài Thuyết Đạo ngày 15-7 Nhâm Thân (1952) như sau:

“Tệ đệ vốn là người ít tin Cơ bút hơn hết, cũng tại Đại Từ Phụ đề nghị nên cứ theo thử mãi, thử rồi lại sợ mang tội cùng Thầy, vái cho bị một phen rầy thì hoạ may phải tởn, mà Thầy cũng chưa hề rầy. Đôi phen cũng vì nhẹ đức tin mà cái mạng lệnh của Thầy; chừng biết tội vái cho bị rầy mà chừa cải. Thầy cũng không rầy. Nhiều khi nói lớn vái to lên ai cũng đều nghe biết hết, mà Thầy chỉ cười rồi bỏ chớ cũng không chịu quở phạt lấy một lần.

Để lòng nghi cho đồng tử không huyền diệu, về nhà chấp bút một mình, kể tội từ buổi Tam Hoàng, bày oan từ đời Ngũ Đế. Đêm khuya leo lét một bóng một hình, đưa ngòi bút lên đặt đợi Thầy, Thầy vừa giáng đà lo khóc trước.

Đôi khi thấy khóc quá, Thầy lại chọc cười, rồi chuyện vãn một hồi, nào là dạy đức tánh của Thiêng liêng, nào là huyền bí cơ Tạo, nói thôi bao la thế giải, học thôi nát óc nát đầu. Coi lại mấy điều phải cầu không một lời nói đến.”

Ông Cao Quỳnh Cư và ông là cặp Cơ phong Thánh đầu tiên. Buổi đầu, ông thường cho ông Cư tự nhip bàn chớ không phải Tiên Thánh giáng. Ông yêu cầu Ông Cư để hai tay vừa chạm trên mặt bàn, mà bàn vẫn nhip và cho thi. Ông Cư rất khó chịu cho sự nghi hoặc đó, nhưng chưa có dịp giải bày. Một hôm tại Vĩnh Nguyên Tự, cây Cơ treo trên tường bỗng lay động nhip nhip. Ông Cư mới gọi Ông Tắc chỉ và nói: “Tắc, em coi qua nhip hay Cơ nhip”

Ông Tắc cười mà không đáp, và khi Cơ chuyển như vậy chắc chắn có các Đấng muốn giảng Đàn dạy việc chi, nên khi cầu Cơ thì Tiên, Thánh giảng liền. Những điều đó ông Phạm Công Tắc thổ lộ trong bài Thuyết Đạo đêm 17 - 4 - Quý Ty (1953).

“Bần Đạo nhớ lại, hồi buổi ban sơ mới khai Đạo. Thật ra, Bần Đạo không có đức tin chi hết, không có đức tin đến nỗi Đại Từ Phụ tức cười. Ngài đến nhà Bần Đạo năm Ất Sửu dạy cả mấy Anh lớn, ngày nay là Chức sắc của Đạo. Đi đến mọi nhà, thật ra Đức Chí Tôn đến thăm viếng mọi con cái của Ngài. Bần Đạo không có đức tin gì hết, nghe nói Tiên giảng đi theo nghe thì chơi. Bần Đạo thú thật, nhờ cái linh hiển của Ngài giáo hoá nên Bần Đạo hôm nay được khối đức tin mạnh mẽ và to tát.”

## **V- VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO.**

Vào ngày 27-10 năm Ất Sửu, Bà Cửu Thiên Huyền Nữ giảng Cơ bảo: “Mùng 1 này tam vị Đạo hữu Vọng Thiên cầu Đạo”. Hôm sau, ba ông cầu Thất Nương (Đoàn Ngọc Quế) chỉ về cách cầu Đạo, Thất Nương bảo đó là nhiệm vụ của ông A, Ẫ, Ậ.

Ngày 30 tháng 10 năm đó, ông A, Ẫ, Ậ giảng dạy rằng: “Ngày mùng 1 tháng 11 này (16-12-1925) tam vị phải **Vọng Thiên cầu Đạo**. Tắm gội cho tinh khiết, quì giữa Trời cầm chín cây nhang mà vái rằng:

*“Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh”.*

Sáng ngày mùng 1 ông Cao Quỳnh Cư qua nhà ông Tý mượn Đại Ngọc Cơ theo lời dạy của Đức Chí Tôn, như vậy việc xây bàn đến đây thay bằng phò Cơ.<sup>4</sup> Đến giờ ba ông thiết lễ, tịnh tâm mặc niệm như lời ông A, Ẫ, Ậ dạy dù ngoài đường kẻ hiếu kỳ tới coi. Bồng đầu thi sĩ Bồng Dinh<sup>5</sup> đến vịn cái bàn chỗ ba ông quì mà ông ngâm thi. Người ta càng đến đông hơn. Cúng bái xong vào nhà cầu Cơ. Đức Cao Đài giảng viết chữ Nho ba ông không hiểu, nên thỉnh ông A, Ẫ, Ậ xin giải thích. Ông A, Ẫ, Ậ nói Đấng Cao Đài khuyên quý vị nghĩ cho thấu đáo lý tạo đoan rồi cho thi.

### **THI:**

*Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng  
Tự nhiên tu tánh đặng bình an  
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh  
Vịn lấy nhành dương hưởng Đạo nhàn.*

<sup>4</sup> Cơ : là giỏ đan bằng tre, ngoài phát giấy vàng, có cần bằng cây dương liễu hay cây dâu, đầu chạm hình chim loan, ở cổ chim loan có cây cọ bằng tre hoặc mây để viết chữ xuống mặt bàn Cơ. Người đứng ngoài có thể đọc được

<sup>5</sup> Tức ông Giáo Sĩ.

Thuở trước, khi cầu Cơ thì đọc bài: Trời còn và Mừng thay!

### **BÀI TRỜI CÒN**

*Trời còn sông biển đều còn,  
Khấp xem cỏi dưới núi non đượm nhuần.  
Thanh minh trong tiết vườn xuân,  
Phụng châu, hạc múa, gà rừng gáy reo.  
Đường đi trên núi dưới đèo,  
Lặng tìm cao thấp phải trèo chông gai.  
Phận làm con thảo há nài,  
Biết thương Tiên, Phật, Bồng lai mà tìm.  
Xem qua xét lại cổ kim,  
Một bầu trời đất thanh liêm chín mười.  
Vàng trao ngọc chuỗi càng tươi,  
Bền lòng theo Phật cho người xét suy.  
Thần Tiên vốn chẳng xa chi,  
Có lòng chiêm ngưỡng nhứt thì giáng linh.  
Và khi Thần, Thánh, Tiên Phật giá lâm phải đọc bài:*

### **BÀI MỪNG THAY**

*Mừng thay chi xiết nỗi mừng,  
Hào quang chiếu diệu ngàn tầng khôn trung.  
Hạc reo bay khắp đạo cùng,  
Càn khôn thế giới cũng chung một bầu.  
Môn sanh thành kính chực châu,  
Tửu trà hoa quả mừng cầu Tiên ông.  
Nhang thơm tốc đốt nức nồng,  
Đèn lòa ngọn lửa tựa rồng phun châu.*

Đến khi khai Đạo tại Gò Kén thì không còn đọc hai bài này nữa.

Trong năm khai Đạo nhiều cặp Cơ được đặc phong. Nhưng về sau chỉ còn bốn cặp Cơ được lệnh đi Phổ độ và truyền Đạo mà thôi.

Cặp Cơ thứ nhứt là quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc; thứ nhì là Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu; thứ ba là Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức; thứ tư là Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng. Mấy cặp Cơ này đều do cặp Cơ quý ông Cư, Tắc phong. Ngoài các cặp Cơ trên còn có các cặp sau: Tươi-Chương, Kim-Đãi, Mai-Nguyên, Mạnh-Phước, Thâu-Vĩnh.

Tuy nhiên chỉ có bốn ông: Tươi-Chương, Kim-Đãi chấp Cơ được. Đặc biệt là ông Phạm Tấn Đãi (Sau đặc phong Khai Đạo) là đồng tử bên tích cực, đủ khả năng chấp Cơ truyền Đạo. Hai ông Mai và Nguyên vì không đến hầu Đàn phong Thánh tại Gò Kén, nên hai ông Lê

Thế Vinh và Cao Đức Trọng (Vị này được thọ phong tại Campuchia năm 1927) thế vị trong hàng Thập Nhị Thời Quân.

Cầu Cơ hay là phò loan gồm có hai vị đồng tử, ngồi hai bên cái giỏ Cơ, tay cầm vào miệng Cơ. Một lát sau, điển các Đấng giáng rồi Ngọc Cơ tự động mà viết ra? Chính vì đó, người ta có thể ngờ người bên trái hoặc bên phải viết ra? Thế nên, Cơ bút cũng có thiệt mà cũng có giả. Người trong cuộc mới hiểu rõ được việc đó.

Khi chấp Cơ, Ngọc Cơ rung động trên bàn viết, nhưng nếu không có thần của bản thân đồng tử thì Ngọc Cơ chỉ rung động mà không viết được chữ gì hết. Lúc đó tinh thần của đồng tử nẩyra ý định viết chữ. Nhờ hoàn cảnh của đàn Cơ do các vị hầu đàn hết lòng khẩn nguyện, nên ý nghĩ của đồng tử chỉ chăm chú về điều Thánh thiện. Nhờ đó, khi viết ra thấy toàn ý từ Thần Tiên và lời lẽ đạo đức.

Khiếu của đồng tử ngồi chấp Cơ cũng như dây điện có dây nóng dây nguội. Bên nóng là bên tích cực (*Positif*), bên nguội là bên tiêu cực (*Négatif*). Chính bên tích cực mới phát sanh ý tưởng mà viết ra vẫn còn bên tiêu cực chỉ nâng Cơ trợ điển mà thôi. Cơ bút viết ra hay hay dở đều do bên tích cực, nếu có kẻ tự ám thị thì cũng do bên tích cực mà ra.

Nhờ kinh nghiệm và tâm lý, ta có thể phân biệt các cặp phò loan trên như sau: cặp Cơ quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm công Tắc thì bên ông Tắc là tích cực, vì ông cầu cơ với ai đều có kết quả còn ông Cư không hề chấp Cơ được với ai hết, nghĩa là Cơ không viết ra chữ. Cặp Cơ thứ nhì là quý ông Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu, bên ông Sang là tích cực. Cặp Cơ thứ ba quý ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức thì bên ông Đức là tích cực. Cặp Cơ thứ tư quý ông Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng thì bên ông Nghĩa là tích cực.

Nhờ phân tích khiếu đồng tử, mới thấy rõ ông Phạm Công Tắc là một Chơn linh vượt hạng, đủ năng lực xây nền Tân Tôn giáo, đáng liệt vào hàng Sư tổ của việc cầu Cơ chấp bút. Vì lẽ đó, khi cầm quyền Chương quản Nhị Hữu Hình Đài, Đức Hộ Pháp mới ra Thánh lệnh số 21 ngày 22 tháng 2 Tân Mão (29-3-1951) có đoạn: “Cơ bút vẫn là hư hư, thiệt thiệt, vì bất kỳ sự chi mà có tánh phạm của con người phối hợp vào đó, đều giả nhiều mà thiệt ít. Cơ bút đủ quyền tạo Đạo đặng thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng. Vì cơ mà Đức Chí Tôn đã cấm Cơ Phổ độ”.

Nhằm trong sự chặn đứng lợi dụng Cơ bút, chức sắc Hiệp Thiên Đài có lập bản “Hiến pháp Cơ bút” chỉ chấp Cơ nơi Đền Thánh. Bởi lẽ, có nhiều người cầu Cơ xúi giục các đồng tử non lòng nhẹ dạ vô trách nhiệm đưa ra những lời đường mật mê hoặc nhân sanh, lôi cuốn họ theo đường mê tín, chia chi phân phái.

Dưới đây là Thánh danh các Đấng giáng Cơ giúp việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ năm Ất Sửu bằng phương pháp xây bàn hoặc Cơ bút:

1) Xuất Bộ Tinh Quân.  
3) Cửu Vị Tiên Nương

2) A, Ǻ, Ǻ.  
4) Cửu Thiên Huyền Nữ

- |  |   |
|--|---|
| 5) Thiên Hậu                                   | 6) Liên Huệ Tiên                                |
| 7) Đại Tiên Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký              | 8) Nhà Âm Đạo Trưởng                            |
| 9) Hồn Thọ Đình Hầu Quan Công                  | 10) Thần Sơn Quan, Diệu Võ Tiên Ông             |
| 11) Đỗ Mục Tiên                                | 12) Minh Nguyệt Tiên Ông                        |
| 13) Bách Nhân Đại Tiên                         | 14) Thánh Pierre                                |
| 15) Huệ Mạng Trường Phan                       | 16) Lê Văn Duyệt                                |
| 17) Quý Cao                                    | 18) Thổ Địa Tài Thần                            |
| 19) Lý Thái Bạch                               | 20) Ông Môn                                     |
| 21) Cao Xuân Lộc                               | 22) Cao Quỳnh Tuân (Thân sanh ông Cao Quỳnh Cư) |
| 23) Cao Hoài Ân (Thân sanh ông Cao Hoài Sang). |   |

Vào đêm Noel năm 1925, Thất Nương giảng Cơ truyền phải chỉnh Đàn cho nghiêm trang để tiếp giá. Ba ông Cư, Tắc, Sang nghe vậy nửa mừng nửa lo, liền thiết lễ chỉnh Đàn trang nghiêm. Rồi hai ông Cư, Tắc phò Cơ. Cơ viết:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha giáo Đạo Nam Phương”.

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.  
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

## **VI- CÁC VI TÔNG ĐỒ ĐẦU TIÊN VÀ CƠ PHỔ HOÁ.**

Vào đêm 25-12-1925, nhân lễ Noel của Chúa Jésus Christ, ông A, Ẫ, Ậ giảng: Đức Cao Đài đã hiểu lòng của ba Đệ tử: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang. Ngài đã ban đầy ơn cho mỗi người, đêm nay phải vui mừng vì là ngày của Thượng Đế xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe).

“Ta rất vui lòng đặng thấy ba Đệ tử kính mến Ta như vậy, nhà này (Nhà ông Cư) sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi linh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa”.

Đêm 31-12-1925 Đấng A, Ẫ, Ậ giảng dạy:

“Ba con thương Thầy lắm hả? Con thấy rõ sự hạ mình của A, Ẫ, Ậ thế nào chưa? Con có thấy thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa? Người quyền thế bậc nhất có thể hạ mình bằng A, Ẫ, Ậ chăng?”

“A, Ẫ, Ậ là Thầy, Thầy đến con thế ấy, con thương Thầy không?”

Như vậy, từ đây các ông biết Đấng A, Ấ, Ậ là ông Trời là Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đức Cao Đài, xưng là Thầy. Đến ngày 1-1-1926, Thầy giáng cơ phủ dụ và báo trước nhiệm vụ cao trọng của hai ông trong nền Tân Tôn giáo:

“Cư, Tắc! Hai con đừng lấy làm việc chơi nhé. Thầy dặn hai con một điều, nhứt nhứt phải đợi linh Thầy. Phận sự của hai con, trách nhiệm của hai con Thầy đã định trước song ngày giờ chưa đến, phải tuân lời Thầy nghe. Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo cho”.

“Khi Đức Chí Tôn đến với chúng tôi, Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Lúc Ngài bảo chúng tôi cầm một cây Cơ và một ngọn bút đi các nơi thâu Môn đệ. Trọng yếu của Ngài là thâu mấy vị Tông đồ có sứ mạng trong nền Đại Đạo này đã giáng sanh trước, để làm môi giới độ Đạo về sau. Đức Chí Tôn bảo chúng tôi phò loan đặng Ngài dùng quyền năng Thiêng liêng kêu gọi mấy vị Tông đồ đó. Quả nhiên chẳng bao lâu, có đủ Thập Nhị Thời Quân hiển hiện. Trong các vị Thời Quân ấy có ông Cao tiếp Đạo ở tại Kiên Biên (Campuchia) chớ không ở Sài gòn.

“Ngài lại chỉ cho chúng tôi biết rằng: Có một người đã thờ Ngài rồi là ông Ngô Văn Chiêu. Đức Chí Tôn muốn phong làm Giáo Tông. Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu may sắc phục cho người kỳ trong 10 ngày. Chúng tôi không hiểu nguyên cớ nào mà ông Ngô Văn Chiêu không hưởng được địa vị ấy” (Phạm Hộ Pháp thuyết Đạo đêm 13-10-Giáp Ngọ).

Ngày 9-1-1926 hai ông Cư, Tắc vào độ ông Lê Văn Trung trong Chợ Lớn. Mãi đến ngày 11, ông Trung mới nhập môn. Ngày 31 khai đàn với sự chứng đàn của Ngài Ngô Minh Chiêu.

“Buổi nọ, ông Lê Văn Trung đang làm Thượng Nghị Viện, Hội Đồng Thượng Nghị Viện đời Pháp lớn lắm. Ông là người Nam làm đến bậc đó thôi. Ông là người quá sức đời, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm không hạp chút nào. Tôi kỵ hơn hết, nhứt định không làm điều đó được. Một ông quan trong thời mất nước không thể tả hết được.

“Khi chúng tôi ôm cái cơ đến nhà Ngài đặng Đức Chí Tôn độ. Mục đích của chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi. Khi vô tới nhà thú thật với Ngài rằng: “Chúng tôi được linh Đức Chí Tôn đến nhà Anh phò loan cho Đức Chí Tôn dạy bảo”. Ông biết Đấng đó hơn chúng tôi. Lo sắp đặt bàn ghế sửa soạn buổi phò loan, rồi bắt ông nhập môn.

“Trong nhà có một người con nuôi tên là Thạnh còn nhỏ độ 12 tuổi. Hai cha con kiếm được cơ đâu không biết, vái rồi cầu cơ. Khi cơ phò loan, thằng nhỏ ngủ, ông thì thức. Cơ chạy hoài. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có hai người biết với nhau mà thôi. Từ đó ông mới tin Đức Chí Tôn.

“Từ khi Đức Chí Tôn đến độ Đức Quyền Giáo Tông rồi mới xuất hiện ra Hội Thánh Cửu Trùng Đài, đi đến đâu, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm theo phò loan. Đức Chí Tôn thâu môn đệ. Thâu được bao nhiêu thì giao cho Đức Quyền Giáo Tông giáo huấn.

“Khi đó Đức Chí Tôn thâu ông Nguyễn Ngọc Thơ (Tức Phối Sư Thái Thơ Thanh) làm môn đệ. Thái Thơ Thanh là bạn đời của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh. Chính bà là người cầm đầu Nữ phái đó vậy”. (Bài thuyết Đạo đã dẫn trên).

Vào đêm mồng 1 Tết năm Bính Dần (13-2-1926) giờ Tý tái cầu thì Đức Thượng Đế giảng dạy rằng:

“Chiêu, buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, chẳng nên tháo trúc. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó. Trung, Kỳ, Hoài ba con phải lo thay mặt Chiêu mà đi độ người. Đức, Hậu tập cơ, sau theo mấy anh mà đi độ người nghe và tuân theo”. Vì đó, Ngài mời quý ông đến nhà uỷ lao và tặng nhóm phò loan mỗi người một cái áo dài trắng.

Đó là lời Thánh giáo đầu tiên và là *Ngày kỷ niệm Khai đạo Cao Đài về Cơ Phổ hoá*. Đến ngày 9-1 năm đó (21-2-1926) nhằm vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ông Phủ Vương Quan Kỳ có thiết đàn riêng tại nhà số 80 đường Lagrandière (Nay là đường Gia Long). Đêm ấy có mời chư nhu và mấy vị Đạo hữu hầu đàn. Đức Thượng Đế dạy rằng:

*“Bửu toà thơ thới trở thêm hoa,  
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.  
Chung hiệp rán vun nền đạo đức,  
Bền lòng son sắc đến cùng Ta.*

“Thầy là chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận hoà nhau hoà. Ấy là lễ hiến cho Thầy rất trọng. Phải chung lo cho Đạo Thầy, Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy. Các con giữ phận làm tuỳ ý Thầy muốn”.

Khi ấy, ông Phủ Ngô Văn Chiêu xin Thượng Đế lấy tên mấy người Đệ tử đầu tiên mà cho một bài thi kỷ niệm. Đức Thượng Đế liền cho thi:

*Chiêu, Kỳ, Trung độ dẫn Hoài sanh,  
Bản đạo khai Sang, Quý Giảng thành.  
Hậu, Đức, Tắc, Cư Thiên địa cảnh,  
Quờn, Minh, Mân đảo thủ đài danh.*

Nguyên 12 chữ xiêng trong bốn câu trên là tên của 13 vị Môn đệ đầu tiên của Đức Thượng Đế vì Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang, Thầy điểm danh chung một tên. Còn ba chữ câu chót là tên ba vị hầu đàn, chưa nhập môn. Đức Chí Tôn lại dạy riêng nhóm xây bàn.

*“Kể từ nay là ngày phát khởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Thầy tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”<sup>6</sup>.*

Sau đây là vài nét, thứ tự theo bài thi, về quý vị nêu tên trên.

**1) NGÔ VĂN CHIÊU (1878-1932):** Đạo hiệu Ngô Minh Chiêu dòng dõi quan Thị lang triều đình Huế, di cư vào Nam lập nghiệp ở khu Hoà Hưng (Sài gòn).

Ngài sinh ra ở Bình Tây (Chợ Lớn) trong một căn nhà lá nhỏ, không chịu bú sữa. Lớn lên kết tình với bà Bùi Thị Thân, sinh được ba gái, sáu trai. Sau khi đậu bằng Thành Chung,

---

<sup>6</sup> Huệ Chương, Đạo Mạch Truy Nguyên, Sài Gòn 1929, trang 23.



Ngài vào làm tại Toà Tân đáu (1899), đến năm 1903 thì đổi về dinh Thượng Thơ rồi Toà Hành Chánh Tân An. Đến năm 1917 thì đổi Tri huyện . Đầu năm 1920 thân mẫu tạ thế, Ngài buồn nên xin đổi ra Hà Tiên. Tại đây Ngài ngộ Đạo Cao Đài. Nhưng chuộng lối tu đơn, Ngài tách rời Cơ Phổ độ, về Cần Thơ lập phái Chiếu Minh Vô Vi.

**2) VƯƠNG QUAN KỶ:** Ông làm Tri phủ, sau được đặc phong Giáo sư, Chức sắc thuộc Toà Thánh Tây Ninh. Về sau, tách về Cầu Kho (Sài gòn) nay là Thánh Thất Nam Thành hợp với ông Đoàn Văn Bản chuyên lo phổ thông Giáo lý.

Đức Chí Tôn cho ông bài thi, nhân đêm Tết năm Ất Sửu (12-2-1926):

*Nhứt nhứt tân hề, nhứt nhứt tân,  
Niên đáu tân hề Đạo giữ tân.  
Vô lao công quả tu đương tác,  
Niên quá niên hề, Đạo tối tân.*

**3) LÊ VĂN TRUNG (1876-1934):** Ngài sanh ở Mỹ Lâm (Chợ Lớn) nhờ thông minh, mới 17 tuổi đã được bổ vào ngạch thư ký Soái phủ Sài gòn. Năm 1906, Ngài ra ứng cử Hội đồng Quản hạt, Quận Nhì. Ngài chống Dự thảo luật “Lục hạng điền” của Thống Đốc Nam Kỳ Outrey.

Năm 1911, Ngài cổ động và đề xướng trường Nữ Học Đường Áo Tím (Nay là Trường Gia Long, Sai gon). Ngày 6-10-1925, Ngài đệ đơn từ chức Thượng Nghị viên để thừa hành Thiên mạng. Lúc quan Thống đốc Le Fol trấn nhiệm xứ Nam Kỳ, vào ngày 22-1-1926, Ngài phé đời hành Đạo. Ba tháng sau được ân phong Đẩu sư, năm 1930 được Đức Chí Tôn ân phong Quyền Giáo Tông.

Đức Chí Tôn ban cho Ngài thi, nhân tết Ất Sửu:

*Đã thấy ven mây lối mặt đương,  
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.  
Đạo cao phó có tay cao độ,  
Gần gũi sao ra vạn dặm trường*

**4) NGUYỄN VĂN HOÀI:** Tức Hội đồng Hoài, bạn tu của ông Ngô Văn Chiêu, Đức Chí Tôn cho ông bài thi nhân tết Ất Sửu:

*Vô vi tối yếu Đạo đương cầu  
Đệ tử tâm thành bất viễn ưu  
Thế sự vô duyên vô thế sự  
Tiêu tư bất xuất ngoại giang đầu.*

**5) ĐOÀN VĂN BẢN:** Tức Đốc học Bản, khởi Tiên ông lập Tiểu Thánh Thất Cầu Kho (Nhà ông) lo phổ thông Giáo lý. Thầy cho bài thi nhân tết Ất Sửu:

*Thương thay trung tín một lòng thành  
Chẳng kể quan mà chẳng kể danh  
Thiệt thòi bấy phận không con nối*

*Thấy rứa lòng ta cũng chẳng đành*

**6) CAO HOÀI SANG (1900 -1971):** Người xã Thái Bình (Tây Ninh). Sau khi đỗ bằng Thành Chung, Ngài vào làm việc tại Sở Thương Chánh (Quan thuế Sài Gòn) cho đến chức Tham Tá Thương Chánh rồi về hưu. Ngài là một trong ba vị Chức sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài, đặc phong Thượng Sanh. Thực sự hành Đạo và cầm quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài năm 1957 (Khi Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong sang Campuchia) đến ngày qui thiên 1971.

**7) VÕ VĂN SANG:** Bạn tu của ông Ngô Văn Chiêu, Đức Chí Tôn có cho ông bài thi nhân tết Ất Sửu như sau:

*Tân dân hỉ kiến đặc tân niên  
Phổ độ Tam kỳ bá thế hiền,  
Nhứt tịnh chủ tâm chơn lý Đạo  
Thăng thiên huợt địa chỉ như nhiên.*

**8) LÝ TRỌNG QUÍ:** Người Cần Thơ, bạn tu của ông Ngô Văn Chiêu. Nhân tết Ất Sửu Đức Chí Tôn cho bài thi:

*Lữ một bước, lướt một ngày  
Một lòng thành thật chớ đơn sai  
Lôi thôi buổi trước nhiều ân xá  
Lập lững đừng làm tội bữa nay.*

**9) LÊ VĂN GIẢNG:** Làm ở hãng Ippolito (Sài Gòn) được Thiên phong Giáo Sư phái Thượng. Đức Chí Tôn cũng cho thi nhân tết Ất Sửu:

*Trần tục là nơi chốn biển buồn  
Nghe nơi Đại Đạo rón nghe luôn  
Ở trong nhà sẵn Thầy đưa khó  
Ách nạn chi chi cũng chảy luôn.*

**10) NGUYỄN TRUNG HẬU (1892-1961):** Tự Thuần Đức, người Gia Định, thọ Thiên ân Bảo Pháp. Năm 1957 về Tòa Thánh làm Giám đốc Hạnh Đường và tái lập Đạo Đức Văn Đàn.

**11) TRƯƠNG HỮU ĐỨC (1892-1976):** Người Chợ Lớn thọ Thiên ân Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài. Sau khi Đức Thượng Sanh qui Thiên, Ngài được bầu lên Quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài (1971).

**12) PHẠM CÔNG TẮC (1890-1959):** Sinh tại làng An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (Trong Khai sinh ghi sinh ở Long An). Năm 20 tuổi làm thư ký Sở Thương Chánh (Sài

gòn). Ngài theo đuổi cách mạng và cộng tác với các báo như La cloche fêlée, La voie libre, Lục tỉnh Tân văn ..v..v..

Năm 1925 để tìm hiểu huyền vi của Tạo hoá. Ngài cùng hai ông Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang họp nhau xây bàn . Nhờ đó nền Tân Tôn giáo mới xuất hiện. Ngài thọ phong Hộ Pháp đêm 14 trăng 15 tháng 3 Bính Dần, tức trước khi khai Đạo.

Ngài bị đày đi sang Mã Đảo (1941-1946) 5 năm, 2 tháng, 3 ngày. Cuối năm 1955, Ngài lại lưu vong sang Miên quốc và triều Thiên nơi đây<sup>7</sup>.

Vào đêm 30-12-Ất Sửu (12-2-1926) quý Ngài Ngô Văn Chiêu , Cao Quỳnh Cư và Ngài đi đến mỗi nhà các bạn tu để chúc xuân và phò cơ xin thi (Các bài thi cho mỗi vị đã dẫn trên ). Trước tiên là nhà ông Võ Văn Sang cuối cùng là nhà ông Lê Văn Trung. Bài thi cho Ngài như sau:

*Ngao ngán không phân lẽ thiệt không  
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng  
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của  
Cái của cái công phải trả đồng.*

**13) CAO QUỲNH CƯ (1887-1929):** Sinh tại làng Hiệp Ninh, Tây Ninh. Ngài cầu Cơ thỉnh tiên một lượt với ông Phạm Công Tắc và đắc phong Thượng Phẩm cùng lượt.

Ngài là người phế thân hành Đạo trước nhất và chịu khổ cực nhất trong buổi đầu tiên để xây dựng tổ đình. Đức Chí Tôn cho thi nhân tết Ất Sửu.

*Sắp út thương hơn cũng thế thường  
Cái yêu cái dạy ấy là thương  
Thương không nghiêm trị là thương dối  
Dối dạ vì chưng yếu dạ thông*

**\* Lễ Nhập môn và khai Đàn buổi đầu.**

Việc Nhập môn cầu Đạo buổi đầu do Đức Chí Tôn độ hoặc các vị ngộ Đạo trước hướng dẫn, như 13 vị có tên trong bài thi tứ tuyệt trên, nơi các tư gia hoặc chùa miếu, chớ chưa có Thánh Thất. Ngày 27-1-1926 khai Đàn tại tư gia ông Cao Quỳnh Cư, Đức Chí Tôn giảng dạy:

*Đã để vào toà một sắc hoa,  
Từ đây đàn nội tử như nhà.  
Trung thành một dạ thờ cao sắc,  
Sống có Ta, thác cũng có Ta.*

Về sau hễ có người nào Nhập môn, thì mở ngay cuộc khai đàn tại nhà đó và chư tín hữu khác cũng được tham dự mà làm lễ Nhập môn. Có một vị Đạo hữu xin được Nhập môn và

---

<sup>7</sup> Xin xem CHÂN DUNG HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC, cùng một Soạn giả

khai Đàn tại nhà, nhưng gia cảnh nghèo không sắm đủ lễ. Đức Chí Tôn giáng cho bài thi an ủi:

*Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,  
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngời.  
Sang hèn trối kệ tâm là quý,  
Tâm ấy toà sen của Lão ngời.*

Buổi đầu, các Môn đồ khi Nhập môn được Đức Chí Tôn cho thi. Những người nào được phê chữ *Thâu*, *Thượng* thì nhận là tín đồ, còn người nào không ghi gì cả, kể như không thâu nhận. Như buổi Đàn cơ do Giáo sư Thái Đạt Thanh chứng Đàn và hai ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phò Cơ, có một bài thi cho bà tên *Bộn* như sau:

*Bộn bâng kẻo tới với người lui  
Lui khỏi ngoài vòng tính cuộc vui  
Vui Đạo không vui vui thế sự  
Sự hay sự dở chứa phân mùi*  
Bà ấy vốn là mụ tú bà nên không được thâu làm Môn đệ.

Một người tên *Tích* đến cầu Đạo thì Đức Chí Tôn cho bài thi:

*Tích đức cho con, Tích hời con,  
Con còn lẩn lú lăm nghe con.  
Con thương con cháu là thương Đạo,  
Đạo chẳng ở xa ở tại con.*

Thâu

Xem thế, ông *Tích* là một người hung bạo nhưng vì thương tính mộ Đạo cũng được Thâu. Ngày 20-10- Bính Dần (25-11-1926) lúc khai Đạo tại Gò Kén (*Tây Ninh*) Đức Chí Tôn cho một người mới cầu Đạo tên Ngô Trung Bình một bài thi và ghi chữ *Thượng*.

*Nguồn Đạo tìm vào đã tận nơi  
Rán đưa chơn tục chí đừng vơi  
Bao nhiêu lỗi trước tua kèm sửa  
Căn mạng nên Ta phải để lời.*

Thượng

Cũng nên biết, Thánh Tượng (*Thiên Nhân*) dùng để khai Đàn buổi đầu do ông Cao Quỳnh Cư xem mẫu nơi nhà ông Ngô Văn Chiêu và hoạ biểu không cho chữ tín hữu đem về thờ.

## **VII- THIÊN PHONG ĐẦU TIÊN.**

Đến tháng 3 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy bà Nguyễn Thị Hiếu may Thiên Phục cho Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài liệt kê như sau:

### ***A. Thiên phục Cửu Trùng Đài.***

- 1- Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật: một cái áo đại phục xanh và một cái khăn đồng chín lớp xanh.
- 2- Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt: 1 cái áo Đại Phục đỏ và 1 cái khăn 9 lớp đỏ.
- 3- Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh: 1 cái áo Đại Phục vàng và 1 cái khăn 9 lớp vàng.
- 4- Ngài Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh (Tức Nguyễn Ngọc Tương): 1 cái áo Đại phục xanh, 1 cái khăn 9 lớp xanh.
- 5- Ngài Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh: 1 cái áo Đại phục đỏ và 1 cái khăn 9 lớp đỏ.
- 6- Ngài Ngô Văn Chiêu: 1 cái áo Giáo Tông có thêu bùa Bát quái và 1 cái mũ Giáo Tông.
- 7- Vương Quan Kỳ, một đại phục Giáo Sư phái Thượng và 1 cái khăn 7 lớp.

### ***B. Thiên phục Hiệp Thiên Đài:***

- 1- Đức Cao Thượng Phẩm: 1 cái áo Đại phục trắng và 1 cái áo lá xanh.
- 2- Đức Cao Thượng Sanh: 1 cái áo Đại phục trắng và 1 cái áo lá xanh.
- 3- Và 12 cái áo Đại phục trắng và 12 cái Nhứt Nguyệt Mạo cho 12 vị Thời Quân.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 1926 (11-3-Bính Dần) cầu cơ tại tư gia ông Cao Quỳnh Cư, Đức Cao Đài giảng dạy:

“Đạo phát triển một ngày là một ngày hại cho nhơn sanh, Thầy nôn nóng nhưng mà Thiên cơ chẳng nghịch đặng.”

Đến ngày 25-4-1926 (15-3-BD) thì thiết lễ Thiên phong tại nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ Lớn. Thầy dạy:

“Lịch, con đã nghe đọc những lời Thầy dặn hả?”

“Cư nghe dặn, con bảo Tắc tắm rửa sạch sẽ, xông hương cho nó, biểu nó lựa một bộ đồ tây cho sạch sẽ ăn mặc như thường, đội nón, cưỡi ...”

“Đáng lẽ nó phải sấm khôi giáp giống như hát bội mà mặc nó nghèo nên Thầy không bảo. Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô cho ngay ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp mặt nó lại, biểu Đức, Hậu đứng gần, kéo xuất hồn nó té tội nghiệp.”

“Khi chấp cơ xong, hai con mặc Thiên phục vào rồi, nó mới leo lên.”

“Lịch! Con viết 1 lá bùa Giác Ma Xử đưa cho Tắc cầm. Hai con mặc đồ thường chừng nào Thầy triệu Ngũ Lô và Hộ Pháp về rồi Thầy biểu mặc vô thể mới đặng.”

“Bàn Thầy giáng cơ thì để trước bàn Ngũ Lô, khi giáng rồi thì dời đi cho trống chỗ, đặng nhị vị Đầu Sư quì mà thề.”

“Cư đem 3 bộ Thiên phục để vọng trên 3 cái Ngai, rồi con chấp bút bằng nhang như mọi lần, đặng Thầy trấn Thần 3 bộ Thiên phục và 3 cái Ngai ấy. Rồi mới kêu 2 vị Đầu Sư đến quì trước bửu Ngai của nó đặng Thầy vẽ phù vào mình, xong cho Giảng xướng lên “Phục vị” thì hai người leo lên ngôi. Cả thầy chư Môn đệ đều quì xuống, *bảo Tắc nó leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang đến bàn Ngũ Lô đặng Thầy trục xuất Chơn thần nó ra.* Rồi bảo hai vị Đầu Sư xuống ngai đến trước mặt Ngũ Lô hai tay chấp trên đầu cúi ngay bùa Kim Quang Tiên mà thề như vậy:

“Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhứt và Lê Văn Lịch tự Thiên ân là Ngọc Lịch Nguyệt thể Hoàng thiên Hậu thổ trước bửu tháp Ngũ Lôì rằng: Làm tròn Thiên Đạo mà đù dất cả mấy em chúng tôi đều là Môn đệ của Đức Cao Đài Ngọc Đế. Nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tả Đạo. Như ngày sau hữu tội, thì thể có Ngũ Lôì tru diệt”.

“Đến bàn Vi Hộ Pháp cũng quì xuống vái y như vậy nhưng câu sau như vậy: như ngày sau có phạm Thiên Điều thể có Hộ Pháp đoạ Tam đồ bất năng thoát tục”.

“Rồi mới bảo Giảng xuống lại nữa “*Phục vị*” thì nhị vị Đầu Sư trở lại ngồi trên ngai. Chư Môn đệ mỗi người đều đến lạy mỗi người hai lạy.

“Tôi phiên các Môn đệ, từ người đến bàn Ngũ Lôì mà thể rằng: Tên gì ..... họ gì.....thể rằng: từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng dối dạ, dối lòng, hiệp đồng chư Môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài. Như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục”.

“Tôi trước bàn Hộ Pháp cũng thể như vậy, rồi mới đến lạy nhị vị Đầu Sư”.

Đó là những nghi lễ bí truyền, về sau Đạo cứ theo đó mà thi hành tùy theo Chức sắc hay Đạo hữu mà lời thể được biến đổi như trên.

Đến hai mươi ba giờ rưỡi đêm đó, Thầy lại giảng Cơ cho thi:

*“Kim triều dĩ đáo Thiên Trung quang  
Am hiểu thể tình tánh đức nan;  
Chỉ tại thời lai quang minh tự  
Tả ban thiếu đức, Hữu ban mang.*

“Đức, Hậu phong vi Tiên đạo Phò cơ Đạo sĩ.

Cư, phong vi Tá cơ Tiên hạc Đạo sĩ.

Tắc, phong vi Hộ giá Tiên đồng Tá cơ Đạo sĩ

Trung, Lịch đã thọ sắc cứ tước vị mà theo sắc mạng Ta”.

Sau đây là danh sách và ngày tháng các vị Đại Thiên phong trước khi khai Đạo chính thức.

#### **A- Hiệp Thiên Đài:**

1- Ông Phạm Công Tắc: Thiên phong Hộ Pháp, ngày 15 tháng 3 Bính Dần.

2- - Cao Quỳnh Cư: Thiên phong Thượng Phẩm ngày 15 tháng 3 năm Bính Dần.

3- - Cao Hoài Sang: Thiên phong Thượng Sanh ngày 15 tháng 3 năm Bính Dần.

#### **B- Cửu Trùng Đài:**

1- Ô. Nguyễn Văn Tường: (Thái Lão Sư, Minh Sư) Thiên phong Chưởng Pháp phái Thượng ngày 24-7 Bính Dần.

2- Hoà Thượng Như Nhãn: Chưởng Pháp phái Thái ngày 24-7-Bính Dần.

3- Trần Văn Thụ: (Thái Lão Sư) <sup>8</sup>Thiên phong Chưởng Pháp phái Ngọc ngày 10- Bính Dần.

---

<sup>8</sup> Xem Tiểu sử trong “Đại Đạo Danh Nhân” cùng Soạn giả.

- 4- Lê Văn Trung: Thiên phong Đầu sư Thượng Trung Nhật ngày 15-3-Bính Dần.
- 5- Lê Văn Lịch: (Con ông Lê Văn Tiểng) Thiên phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt ngày 15-3-Bính Dần
- 6- Thiện Minh: (Đệ tử Như Nhân) Thiên phong Đầu Sư Thái Minh Tinh ngày 13-10-Bính Dần
- 7- Lê Bá Trang: Thiên phong Phối Sư Ngọc Trang Thanh ngày 3-7-Bính Dần.
- 8- Nguyễn Ngọc Tương: Thiên phong Phối Sư Thượng Tương Thanh ngày 17-5-Bính Dần
- 9- Lê Văn Hoá: Thiên phong Phối Sư Thượng Hoá Thanh ngày 19-8-Bính Dần
- 10- Nguyễn Ngọc Thơ: Thiên phong Phối Sư Thái Thơ Thanh ngày 2-7-Bính Dần.

**C- Giáo sư:**

- Ngọc Kinh Thanh Thiên phong ngày mùng 8 tháng 6 năm Bính Dần
- Ngọc Vân Thanh -- nt -
- Ngọc Đạt Thanh -- nt -
- Ngọc Mùi Thanh -- nt -
- Ngọc Thông Thanh - 28 tháng 9 năm Bính Dần
- Thượng Kỳ Thanh - 14 tháng 5 năm Bính Dần
- Thượng Kim Thanh - 17 tháng 5 năm Bính Dần
- Thượng Chức Thanh - 19 tháng 8 năm Bính Dần
- Thượng Hành Thanh - 29 tháng 8 năm Bính Dần
- Thượng Vinh Thanh - 9 tháng 9 năm Bính Dần
- Thượng Định Thanh - 28 tháng 9 năm Bính Dần
- Thái Nhung Thanh - 15 tháng 7 năm Bính Dần
- Thái Luật Thanh - 22 tháng 7 năm Bính Dần
- Thái Bính Thanh - 7 tháng 8 năm Bính Dần

**D- Giáo Hữu:**

- Thượng Giới Thanh - 23 tháng 8 năm Bính Dần
- Thượng Bản Thanh - 25 tháng 8 năm Bính Dần
- Thượng Giảng Thanh - 7 tháng 8 năm Bính Dần

**Đ- Lễ Sanh:**

- Trần Văn Xương - 26 tháng 10 năm Bính Dần
- Trần Văn Tạ -- nt -
- Trần Văn Hoằng -- nt -
- Cao Mỹ Ngọc -- nt -
- Mất Mục Thanh -- nt -

Những vị trên đây đều là những người hữu danh trong nền Đại Đạo. Có nhiều vị Lễ Sanh phong trước ngày Khai Đạo (15-10-BD) nhưng không còn ảnh hưởng gì về sau. Riêng các vị trên như ông Trần Văn Tạ sau đắc phong Hộ Đàn Pháp Quân. Ông Cao Mỹ Ngọc sau đắc

phong Tiếp Lễ Nhạc Quân. Ông Mất Mục Thanh (tức Tư Mắc) tên thật là Nguyễn Phát Trước thọ phong Phụ Đạo Chưởng Nghiêm Pháp Quân, sau đặt điều vu cáo Đức Cao Thượng Phẩm bị quả báo một cách đáng thương.

### **VIII- CÁC ĐÀN LỄ VÀ LỄ NHẬP MÔN.**

*Vào ngày 24-4-1926 (14-3-Bính Dần) thì ông Ngô Văn Chiêu tách riêng*, không đi Phổ độ mà lo tu tự giác Vô vi, lấy câu “*Ngô thân bất độ hà thân độ*” làm chủ thuyết. Còn ông Lê Văn Trung vâng Thánh ý lo thiết Đàn truyền bá mối Đạo. Dù vậy cả hai đều thờ kính Đấng Cao Đài.

Về Đàn lễ thì khởi đầu chỉ có Đàn Cầu Kho tại nhà ông Đoàn Văn Bản sau thành Tiểu Thánh Thất. Nhưng Đàn Cầu Kho rất hẹp, đồ đạc thiếu hụt. Bàn thờ Chí Tôn chỉ là một cái ghế nhỏ bằng cây giá tị. Thiên Nhân được vẽ trong mảnh giấy cao 3 tấc, rộng 2 tấc. Chiếu đệm cũng không đủ trải mà lễ bái. Tuy thanh đạm mà hàng chục tín hữu cứ mỗi đêm thứ bảy đến hầu Đàn học Đạo. Sau Thánh Thất được nhiều vị sửa sang lại được khang trang. Vì cung ứng cho kịp với việc phổ thông mối Đạo, Đức Chí Tôn dạy lập thêm 5 Đàn lễ nữa.

**a) Đàn Cầu Kho:** Do ông Phủ Vương Quan Kỳ chứng Đàn, sau có quý ông Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh (Ông này có viết nhiều sách Đạo) cùng với ông Kỳ luân phiên trông coi việc cúng tế. Sắp đặt trong ngoài lễ lộc thì do quý ông Đoàn Văn Bản, Hoàng Văn Giỏi, Lê Văn Giải, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường. Còn phò loan do hai ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

**b) Đàn Chợ Lớn:** Tại nhà ông cựu Nghị viên Lê Văn Trung. Ông Trung và ông Phủ Lê Bá Trang chứng Đàn và hai ông Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu thì phò loan.

**c) Đàn Tân Kim (Cần Giuộc):** Tại nhà ông Cựu Hội Đồng địa hạt Nguyễn Văn Lai, quý ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Văn Lịch chứng Đàn. Quý ông Ca Minh Chương và Nguyễn Văn Tươi phò loan. Lo việc cúng tế do quý ông Lê Văn Tiếp, Võ Văn Kính, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỉ.

**d) Đàn Lộc Giang (Chợ Lớn):** Tại chùa Phước Long của Yết Ma Giống. Ông Phủ Mạc Văn Nghĩa và ông Yết Ma chứng Đàn. Quý ông Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng phò loan.

**e) Đàn Tân Định:** Tại nhà ông Huyện Nguyễn Ngọc Thơ, do ông chứng Đàn và quý ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc phò loan.

**g) Đàn Thủ Đức:** Tại nhà ông Ngô Văn Điều do ông chứng Đàn và quý ông Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên phò loan<sup>9</sup>

---

<sup>9</sup> NGUYỄN TRUNG HẬU Đại Đạo Căn Nguyên, Sài gòn 1930



Ngoài những Đàn lệ trên, còn thiết Đại Đàn nhiều nơi khác, để góp phần phổ thông nền Chơn giáo. Thêm vào đó, Đức Chí Tôn dạy lập một Đàn đặc biệt tại nhà ông Trần Văn Tạ để chữa bệnh. Phần công quả này do ông Tạ và con là Trần Văn Hoàng lo liệu.

Đức Chí Tôn lại dạy quý ông Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức, Tạ phải tùy trường hợp mà truyền nhân điện chữa bệnh cho hàng Môn đệ.

Nhờ huyền diệu Thiêng Liêng của Ông Trên ban cho lúc mới Khai Đạo, nên quý ông Tắc, Đức chữa lành nhiều bệnh ngặt nghèo. Cách chữa bệnh chỉ đặt bàn tay vào chỗ đau cho nhân điện chạy vào cơ thể người bệnh là khỏi đau. Chính mấy vị ấy cũng ngạc nhiên cho sự huyền diệu vì các ông đâu phải thầy thuốc. Ông Đức còn chữa lành bệnh á khẩu, thủng và thiên thời.

Ông Cao Quỳnh Cư khi ở Toà Thánh tạm cũng chữa lành nhiều bệnh bằng cách cho uống nước “Âm Dương thủy” và “vỏ cây ba nhánh” trước Toà Thánh mà cứu được nhiều người.

Việc trị bệnh bằng nhân điện cũng phải ngưng một lượt với việc ngưng Cơ bút vào cuối tháng 6 năm 1927 do lệnh Đức Chí Tôn.

## **IX- VIỆC TẠO QUẢ CÀN KHÔN THỜ ĐỨC CHÍ TÔN.**

Từ trước đã họa Thiên Nhân mà thờ Đức Chí Tôn nhưng trong Đàn cơ ngày 18-9-1926 (12-8-Bính Dần), Đức Chí Tôn dạy:

“Một quả Càn Khôn như trái đất tròn quay. Bề kính tâm (Đường kính) 3 thước 3 tấc. Lớn quá song phải vậy vì là cơ mẫu nhiệm Tạo hoá trong ấy, sơn màu xanh da trời. Cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên quả Càn khôn

“Thầy kể Tam thập lục Thiên, Tứ đại Bộ châu ở không không trên không khí, tức không phải tinh tú. Còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là tinh tú. Tính lại: Ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao, con liệu vẽ lên đó cho đủ. Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu rõ ràng. Trên sao Bắc Đẩu vẽ con mắt Thầy. Đáng lẽ trái đất phải bằng chai, đúc trong một ngọn đèn thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện quý báu cho cả nhân loại Càn khôn Thế giới đó. Còn chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đã lên cốt rồi để thì dài theo dưới”.

Còn việc, tại sao thờ Thiên Nhân thì Đức Chí Tôn giảng rằng (24-2-1926):

***“Nhấn thị chủ Tâm***

***Lưỡng quang chủ tế***

***Quang thị Thần***

***Thần thị Thiên***

***Thiên giá, ngã giá”***.

“Nghĩa là: *Mắt là chủ Tâm, hai ánh sáng trong mắt là Chủ thể. Ánh sáng là Thần, Thần là Trời, Trời là Ta vậy*”.

### **X- SỐ ĐỒ ĐỆ CỦA KỶ BA TAM CHUYỂN.**

Đàn đêm 4 tháng 10 năm 1926 (27-8-BD) đã qui định rõ số Đồ đệ của Cao Đài giáo.

“Thầy Khổng Tử trước có tam thiên Đồ đệ truyền lại còn thất thập nhị hiền. Thầy Lão Tử trước đặt một học trò là Ngựơn Tử. Thầy Giêsu trước đặt 12 người chừng bị bắt còn lại một Pierre mà thôi. Thầy Thích Già đặt 4 người, ba người bỏ thầy còn lại một.

Còn nay Thầy giảng thế chọn đến: ***Nhứt Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên Đồ đệ***”

- Nhứt Phật: Là phẩm Giáo Tông
- Tam Tiên: Ba vị Đầu Sư.
- Tam Thập Lục Thánh: 36 vị Phối Sư (*Trong đó có 3 vị Chánh Phối Sư*)
- Thất Thập Nhị Hiền: 72 vị Giáo Sư.
- Tam Thiên đồ đệ: 3000 vị Giáo Hữu.

(Theo Pháp Chánh Truyền Chú Giải thì Chưởng Pháp là người thay mặt Hiệp Thiên Đài nơi Cửu Trùng Đài nên không tính trong số Chức sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài kể trên)

### **XI- KHAI ĐẠO VỚI CHÁNH PHỦ PHÁP.**

Ngày 29 tháng 9 năm 1926 (23 tháng 8 Bính Dần), Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung vâng Thánh ý hiệp với chư Đạo hữu hết thảy là 247 người tại nhà ông Nguyễn Văn Tường đứng tên vào Tịch Đạo để khai Đạo với Chánh phủ Pháp.

Ngày 7-10-1926, Tờ khai Đạo được gửi lên quan Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol (Còn toàn quyền Đông Pháp là Alexandre Varenne (1925-1928) nhằm triều Bảo Đại). Trong Tờ ấy có 28 người ký tên là:

“Bà Lâm Ngọc Thanh, ông Lê Văn Trung, ông Nguyễn Ngọc Tương, ông Nguyễn Ngọc Thơ, ông Nguyễn Văn Kinh, ông Lê Bá Trang, ông Đoàn Văn Bản, ông Lê Văn Giảng, ông Cao Quỳnh Cư, ông Phạm Công Tắc, ông Cao Hoài Sang, ông Nguyễn Trung Hậu, ông Trương Hữu Đức, ông Vương Quan Kỳ, ông Trần Đạo Quang, ông Lê Văn Lịch .....”

#### **\*Nội dung Tờ Khai Đạo ngày 7-10-1926:**

Tờ Khai Đạo ấy làm bằng chữ Lang Sa (Tiếng Pháp), phiên dịch ra như vậy:

*Sài Gòn, Le 7 Octobre 1926.*

**Kính cùng Quan Thống Đốc Nam Kỳ Sài Gòn,**

Chúng tôi đồng ký tên dưới đây, kính cho Quan lớn rõ:

Vốn từ trước, tại cõi Đông Pháp có ba nền Tôn Giáo lớn là: **Thích Giáo, Lão Giáo, và Khổng Giáo**. Tiên Nhơn chúng tôi sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo Tôn chỉ quý báu của các Chưởng Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu: "*Gia vô bế hộ, lộ bất thập di*", chỉ nghĩa là con người thuở ấy an nhàn cho đến đổi ban đêm ngủ không đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy cửa rơi không ai thềm lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cố sau này:

1- Những người hành Đạo đều phân chia ra nhiều Đạo, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ Tôn chỉ của Tam Giáo đều như một là làm lành lánh dữ và kính thờ Đấng Tạo Hóa.

2- Lại canh cãi mỗi Chánh truyền của các Đạo ấy, làm cho thất Chơn truyền.

3- Những dư luận phản đối nhau về Tôn Giáo, mà ta thấy hằng ngày cũng tại bả vinh hoa và lòng tham lam của nhân loại mà ra, nên chỉ người An Nam bây giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện tận mỹ ngày xưa.

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người An Nam, vì căn bản, vì Tôn Giáo, đã tìm phương thế hiệp **Tam Giáo** lại làm một (*Quy Nguyên Phục Nhất*) gọi là **Đạo Cao Đài** hay là **Đại Đạo**.

May mắn cho chúng sanh, Thiên tòng Nhơn nguyện, **Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế** hằng giảng Đàn dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** tại cõi Nam này.

**Tam Kỳ Phổ Độ** nghĩa là **Đại Ân Xá lần thứ ba**, những lời nói của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng Cơ dạy chúng tôi đều cốt để truyền bá Tôn chỉ Tam Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết:

1- Luân lý cao thượng của Đức Khổng Phu Tử.

2- Đạo đức của Phật Giáo và Tiên Giáo là làm lành lánh dữ, thương yêu nhân loại, cư xử thuận hòa mà lánh cuộc loạn ly giặc giã.

Chúng tôi xin gửi theo đây cho quan lớn nghiệm xét:

1- Một bản sao lục Thánh ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

2- Một bản phiên dịch Thánh Kinh.

Chủ ý của chúng tôi là muốn làm sao cho nhơn loại được cộng hưởng thái bình như thuở trước. Được vậy, nhơn sanh sẽ thấy đặng thời kỳ mới mẽ, cực kỳ hạnh phúc.

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người An Nam đã nhìn nhận sở hành của chúng tôi và đã ký tên vào tờ Đạo Tịch ghim theo đây đến khai cho quan lớn biết rằng: Kể từ nay, chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.

Chúng tôi xin quan lớn công nhận Tờ Khai Đạo của chúng tôi.

**Ký tên:**

- 1- Bà Lâm Ngọc Thanh: Nghiệp chủ ở Vũng Liêm
- 2- Ông Lê Văn Trung: Cựu Thượng Nghị Viên, thợ Ngũ Đẳng Bửu Tinh (Chợ Lớn)
- 3- - Lê văn Lịch: Thầy tu, làng Long An - Chợ Lớn
- 4- - Trần Đạo Quang: Thầy tu làng Hạnh Thông Tây - Gia Định
- 5- - Nguyễn Ngọc Tương: Tri Phủ, chủ quận Cần Giuộc.
- 6- - Nguyễn Ngọc Thơ: Nghiệp chủ - Sài Gòn.
- 7- - Lê Bá Trang: Đốc Phủ Sứ - Chợ Lớn.
- 8- - Vương Quan Kỳ: Tri phủ Sở thuế thân - Sài Gòn
- 9- - Nguyễn Văn Kinh: Thầy tu Bình Lý thôn - Gia Định
- 10- - Ngô Tường Vân: Thông phán, Sở Tạo Tác - Sài Gòn.
- 11- - Nguyễn Văn Đạt: Nghiệp chủ - Sài Gòn
- 12- - Ngô Văn Kim: Điền chủ, Đại Hương Cả, Cần Giuộc
- 13- - Đoàn Văn Bản: Đốc học trường Cầu Kho
- 14- - Lê Văn Giảng: Thơ ký hãng Ippolito - Sài Gòn
- 15- - Huỳnh Văn Giới: Thông phán Sở Tân Đáo - Sài Gòn
- 16- - Nguyễn Văn Tường: Thông ngôn Sở Tuần Cảnh - Sài Gòn
- 17- - Cao Quỳnh Cư: Thơ ký Sở Hoả Xa - Sài Gòn
- 18- - Phạm Công Tắc: Thơ ký Sở Thương Chánh - Sài Gòn
- 19- - Cao Hoài Sang: Thơ ký Sở Thương Chánh - Sài Gòn
- 20- - Nguyễn Trung Hậu: Đốc Học, Trường Tư thực Đa Kao
- 21- - Trương Hữu Đức: Thơ ký Sở Hoả Xa - Sài Gòn
- 22- - Huỳnh TrungTuất: Nghiệp chủ, Chợ Đũi - Sài Gòn.
- 23- - Nguyễn Văn Chức: Cai Tổng - Chợ Lớn
- 24- - Lại Văn Hành: Hương Cả - Chợ Lớn
- 25- - Nguyễn Văn Trò: Giáo viên - Sài Gòn.
- 26- - Nguyễn Văn Hương: Giáo viên, Đa Kao.
- 27- - Võ Văn Kinh: Giáo tập, Cần Giuộc.
- 28- - Phạm Văn Tý: Giáo tập, Cần Giuộc.

*Thống đốc Nam Kỳ lúc ấy, không hề ký Giấy phép nào cho Đạo Cao Đài hoạt động.*

G.Meillon trong “Caodaisme” viết: **“Ngày 7-10-1926 Thống đốc Nam Kỳ đã nhận được Tuyên Ngôn chính thức về việc thành lập Đạo Cao Đài.** Ông đã khôn khéo tiếp nhận văn kiện, tuy nhiên không cam kết công nhận chính thức mối Đạo”. **Ông G.Meillon gọi đó là Bản Tuyên Ngôn chính thức về sự thành lập Đạo Cao Đài** (La déclaration officielle de la fondation du Caodaisme) chứ không có văn bản nào của nhà cầm quyền Pháp cho phép Đạo Cao Đài hoạt động như nhiều người lầm tưởng.

## **XII- THẦY GIAO QUYỀN CHO ĐỨC LÝ THÁI BẠCH.**

Đàn đêm 29-10-1926, **Đức Chí Tôn giao cho Đức Lý làm Giáo Tông** điều dẫn và nghiêm trị những Giáo đồ hành sai Chơn truyền.<sup>10</sup> Đức Lý Thái Bạch là Nhứt Trấn Oai nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Âm Bồ Tát là Nhị Trấn còn Đức Quan Thánh Đế Quân là Tam Trấn để trông nom điều dắt chư môn đệ.

“Từ đây Thầy đã giao quyền thưởng phạt về nơi tay Bần Đạo (Đức Lý Thái Bạch). Vậy các đạo hữu khá hết lòng vun đắp nền Đạo cho vững vàng, hiệp ý với Thiên Cơ mà bước lên địa vị cao thượng. Chớ sụt sè ôm thói mơ hồ thì uống công trình cực nhọc bấy lâu nay. Lại thêm, chẳng đặng theo Thánh ý của Thầy là bậc Chí Tôn đã hết sức nhọc nhằn vì sanh chúng.

“Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình mà sanh nhằm đời gặp đặng một mối Đạo chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thưởng phạt. Có thưởng mới dục lòng kẻ có công. Có phạt mới răn đặng lòng tà đại.

“Đặng Bậc Chí Tôn cầm quyền thế giới điều dắt, rửa lỗi mà chẳng lo cho kịp thì để đua nhau nghĩ tính về miếng đỉnh chung. Nếu Thầy chẳng Đại Từ, Đại Bi thì công quả đã chảy theo dòng nước.

“Từ đây Bần Đạo phải điều dắt bước đường cho các đạo hữu, phải gắng công thêm nữa cho hiệp với cơ Trời.

“Ai hữu phước thì địa vị đặng cao thêm. Ai vô phần thì bị đoạ Tam pháp. Phước phần cũng khó lựa người. Rủi rủi may may đừng trách nơi Bần Đạo”./.

## **HẾT**

(HT. Mai văn Tầm)

---

<sup>10</sup> Sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu không nhận Thiên phẩm Giáo Tông

## Bài đọc thêm

### Chuyên Đề: “ĐẠO SỬ”

(Kèm Bài Đạo Sử số 2)

---

### **ÂN SỬNG CỦA THƯỢNG ĐẾ BAN CHO CÁC MÔN ĐỒ** *(Trong thời kỳ tiềm ẩn)*

(Trích Lược Sử Khai Nguyên Cao Đài Giáo của Dã Trung Tử)

Giai đoạn này tùy theo căn cơ và phận mạng của từng người mà Thượng Đế ban cho những đặc ân khác nhau để họ nhận biết và tin tưởng nơi Ngài. Đức Chí Tôn đã dành cho mỗi Môn đồ một ân sủng đặc biệt như:

1- Đối với người trí thức thì được trực tiếp thảo luận với Tiên Ông, học thêm nhiều giáo huấn chân thành, kể chuyện quá khứ không sai, bàn chuyện hiện tại chính xác, cho những tiên tri tương lai gần xa ứng nghiệm, gây nên bầu không khí huyền vi, gợi thêm ở họ một niềm tin sắt đá vào hiện tượng siêu linh.

2- Những tao nhân mặc khách, tài tử văn nhân, ưa thi thơ thì được trực tiếp xướng họa với các vong linh, được quý Tiên cô, Tiên ông kết làm bầu bạn xướng họa những vần thơ tuyệt tác, tạo thành mối duyên thơ kỳ ngộ.

3- Ngay những viên chức sen đầm, lính kín do nhà cầm quyền Pháp cho xâm nhập các Đoàn cơ để dò la tin tức, nắm tình hình, cũng đã được Ông Trên điểm tên, rồi họ cũng hết dám theo dõi mà lại trở thành những Môn đồ ngoan Đạo.

4- Còn đối với giới bình dân thì người hỏi gia đạo được toại lòng, kẻ cầu thuốc thang, được khỏi bệnh, các chứng nan y được chữa lành, làm cho kẻ mù được sáng, người liệt được đi lại.

Thậm chí Cơ bút còn gọi tên từng người xa lạ lẫn trong đám đông, hoặc trả lời thỏa mãn cho những kẻ hiếu kỳ, hồ nghi muốn thử thách thiệt hư, chơn giả.

Sự kiện này gây thêm niềm tin rào rạt nơi mọi người, có một số sự kiện trong nhiều trường hợp đặc biệt như sau:

a- Trường hợp Quan phủ Ngô Văn Chiêu, Thượng Đế đã giáng Cơ cho thuốc chữa lành bệnh thân mẫu của Ông và hiện ra Thiên nhân và cảnh Bồng lai cho Ông thấy.

b- Trường hợp Ngài Lê Văn Trung đang làm quan chức cao cấp, thế mà Thượng Đế dạy hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đem Ngọc Cơ đến nhà để Thượng Đế giáng chỉ dạy, đây là một việc làm khá khó khăn đối với hai Ngài, vì Ngài Lê Văn Trung là một Nghị viên của Hội Đồng Thượng Viện, là một quan chức cao cấp rất quyền thế, mà hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc lại chưa từng quen biết bao giờ, thế mà do đức tin mạnh mẽ nên hai Ngài tuân hành, khi đến nơi cũng được Ngài Lê Văn Trung ân cần đón tiếp và sùng kính Đức Cao Đài ngay tức khắc, đồng thời Thượng Đế cũng ban cho Ngài Lê Văn Trung ân sủng chữa lành được đôi mắt bị bệnh lòa từ lâu, tuy đã chạy chữa nhiều Thầy thuốc nhưng không khỏi.

c- Trường hợp Ngài Trần Duy Nghĩa, Thượng Đế dạy Ngài Phạm Công Tắc đi tìm, và chỉ cho biết là ở tỉnh Gò Công mà thôi, trong lúc Ngài chưa đến tỉnh này bao giờ và cũng chưa quen biết với ai ở đây, nhưng vì đức tin mà vâng lệnh ra đi, quả nhiên đến Gò Công hỏi thăm đến ngay nhà, thấy một người đứng trước thềm và nói: “Tôi là Trần Duy Nghĩa đây”. Sau đó thì Ngài Trần Duy Nghĩa đã trọn hiến thân hành Đạo.

d- Cũng như Thượng Đế đã dùng Cơ bút để hướng dẫn hai nhóm Môn đồ đầu tiên chưa hề quen biết nhau, đã gặp gỡ hợp tác với nhau chung lo mở Đạo.

Nhờ sự huyền linh như vậy, mà nền Đạo loan truyền ra rất nhanh, và phát triển mau lẹ, chứ không phải như một số người cho rằng Cao Đài là một Tôn giáo được thiết lập do sự tình cờ, từ các trò chơi giải trí Xây bàn cầu Cơ mà có.

Có người cho rằng tại sao ngày nay Thượng Đế không còn làm phép lạ nữa, việc này cũng dễ hiểu, là khi nhân loại còn ấu trĩ thì Thượng Đế và các Đấng Thiêng liêng xuất hiện để đặt một nền móng căn bản hầu hướng dẫn loài người. Đến khi nhân loại trưởng thành thì phải tự lập, tự sử dụng khả năng suy đoán của mình và phải chịu trách nhiệm về hành tàng của mình.

Đây cũng là một lẽ công bình Thiêng liêng, vì nếu Thượng Đế tiếp tục làm phép lạ, thì đến kẻ gian ác họ cũng phải giạt mình, như vậy sẽ mất lẽ công bình không còn lành siêu dữ đoạ nữa. Nên khi mở Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã dùng Cơ bút để trực tiếp thu nhận Đệ tử và ban những huyền diệu cho Đệ tử trong thời gian ban đầu, sau đó thì Ngài ngưng Cơ bút Phổ độ, cũng nằm trong lý do đó.

## THỜI KỲ CƠ PHỔ ĐỘ PHÁT TRIỂN RỘNG RÃI (Kể từ ngày 9-1- Bính Dần – DL.21-02-1926 trở đi)

### Thiên phong Giáo Tông:

Vào khoảng tháng 4-1926 (Bính Dần) Đức Chí Tôn dạy ba Ngài Trung, Cư, Tắc đến gặp Ngài Ngô Văn Chiêu nói về việc may Thiên phục Giáo Tông cho Ngài. Vào ngày Chủ nhật 18-04-1926 (Bính Dần) Đức Chí Tôn cũng giảng dạy và vẽ kiểu áo mào Thiên phục Giáo Tông cho Bà Hương Hiếu may. Nhưng Ngài Ngô Văn Chiêu từ chối không nhận ngôi Giáo Tông. Tuy vậy, Ngài Ngô Văn Chiêu cũng gửi tiền phí tổn để may bộ Thiên phục này, nhưng Ngài không mặc áo Giáo Tông lần nào.

Đức Chí Tôn tấn phong các Chức sắc đầu tiên và hành pháp trực Chơn thần Ngài Phạm Công Tắc ra khỏi xác thân để cho Chơn linh Hộ Pháp giảng ngữ:

Vào đêm 14 rạng 15 tháng 3 Bính Dần (25/26-04-1926) tại nhà riêng Ngài Lê Văn Trung, Đức Chí Tôn dạy sắp đặt lễ Thiên phong như sau:

Trong đêm này Đức Chí Tôn phong cho các Ngài:

- Lê Văn Trung phẩm Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.
- Lê Văn Lịch phẩm Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt .

Hai phẩm Thiên phong này chỉ tuyên thệ trước bàn Ngũ Lôi mà thôi.

Lễ hành pháp huyền linh dành cho Hộ Pháp. Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy như sau:

“Cư nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ xông hương cho nó, bảo nó lựa một bộ quần áo tây sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón. . .

Cưỡi! Đáng lẽ nó phải sấm khôi giáp như hát bội, mà mặc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó lên đứng trên ngó mặt vô ngay ngôi Giáo Tông, lấy chín tấc vải điều đắp mặt nó lại. Lịch! Con viết một lá phù “Gián Ma Xử” đưa cho nó cầm. (TNHT, Q1., trg. 16).

. . .

“Biểu Tắc leo lên bàn. Con chấp bút bằng nhang. Đến bàn Ngũ Lôi đặng Thầy triệu nó đến , rồi mới trước mặt Tắc, đặng Thầy trực xuất Chơn thần nó ra, nhớ biểu Hậu, Đức, xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ”. (TNHT., Q1., trg. 16)

**Đây là một cuộc hành pháp huyền linh của Đức Chí Tôn trực Chơn thần Ngài Phạm Công Tắc ra khỏi xác thân để Chơn linh Hộ Pháp giảng ngữ, và Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp, đây là một trường hợp giảng linh ngữ thể.**



Vào đêm 14 rạng ngày 15 tháng 3 Bính Dần, nhằm ngày 25-26/4/1926, Đức Chí Tôn giảng Cơ phong tiếp:

“Cư, phong vi Tá cơ Tiên Hạc Đạo sĩ.

- Tắc, phong vi Hộ giá Tiên đồng Tá cơ Đạo sĩ.

- Đức, Hậu, phong vi Tiên Hạc phò cơ Đạo sĩ (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trg.19).

**Trong các kỳ Đàn kế tiếp, Đức Chí Tôn dạy kiểu mẫu may phẩm phục cho cho các Chức sắc. Còn chức vụ Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh phong ngày nào thì không thấy các Thánh giáo trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển chép lại, cũng như Đạo Sử đã xuất bản không ghi rõ.**

**Về sau khi lập Pháp Chánh Truyền Đức Chí Tôn đã ấn định quyền năng và nhiệm vụ của mỗi vị.**

**Riêng Đức Hộ Pháp cũng đã được Đức Chí Tôn giảng bút, truyền Bí Pháp của Đạo, trong đó có Pháp môn tu luyện và giao cho Ngài nắm cơ mầu nhiệm của Đạo, bảo thủ và truyền lai cho tín đồ, và đời sau, còn có trách nhiệm giữ gìn Chơn thần của người luyện Đạo. Đức Chí Tôn cho biết sự kiện này trong một đoạn Thánh giáo dạy về Chơn thần như sau:**

“ . . . Chơn thần là nhị xác thân các con, là khí chất nó bao bọc ngoài thân thể như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập là mỏ ác, gọi tiếng chữ là Vi hộ, nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng giữ gìn chơn linh các con khi luyện Đạo đặng hiệp một với Khí, rồi Khí mới thấu đến Chơn thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh” (TNHT, QII., trg. 65)

**Vào ngày 24-04-1926 (Bính Dần), Đức Chí Tôn giảng dạy về Tôn chỉ Tam giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt của Cao Đài và cũng ngày này Ngài Ngô Văn Chiêu chính thức tách rời, không còn tham gia Cơ Phổ độ nữa, mà chỉ lo phần tu luyện theo hướng Nội giáo Tâm truyền đã được Đức Cao Đài ban cho Ngài trước đây, vì vậy Ngài không đứng tên trong Tờ Khai Đạo sau này.**

Sau đó Ngài lập nên Phái Chiếu Minh Vô vi. Cũng vì lý do này, về sau một số Môn đồ cho rằng Bí pháp tu luyện chỉ có Phái này đặc Chơn truyền. Còn Tòa Thánh Tây Ninh chỉ lo phần Phổ độ, không có Bí Pháp tu luyện. Nhưng sự thực thì Đức Chí Tôn đã ban cho Hội Thánh trọn cả hai phần Thể Pháp và Bí Pháp. Phần Thể Pháp hay là Cơ Phổ độ tiếp dẫn con cái Đức Chí Tôn vào cửa Đạo để lánh dữ làm lành, lập công bồi đức, rồi giai đoạn tiếp theo là thọ Bí Pháp tu luyện để siêu phàm nhập Thánh, hầu tròn câu tân độ chúng sanh, nên trong giai đoạn phát triển của nền Đạo, Đức Hộ Pháp đã lập ra các Trung tâm Tịnh luyện đó là Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung, còn Trung tâm thứ ba là Vạn Pháp Cung chỉ mới phát họa chưa xây cất được .

Khi Ngài Ngô văn Chiêu không nhận ngôi Giáo Tông, thì Đức Chí Tôn giao phẩm vị Giáo Tông cho Đức Lý Thái Bạch (Một vị Tiên Trưởng trên Thiên Cung) đảm trách, gọi là Giáo Tông Vô vi. Đến ngày mùng 03-10 Canh Ngọ (1930) Đạo Nghị Định số 2, Đức Lý Giáo Tông giáng Cơ ban cho Ngài Thượng Đâu Sư Thượng Trung Nhật làm Quyền Giáo Tông phần hữu hình lo Cơ Phổ độ chúng sanh, còn phần chánh vị Thiêng liêng vẫn do Đức Lý Thái Bạch Chưởng quản.

## **GIAI ĐOẠN CHÍNH THỨC HÌNH THÀNH TÔN GIÁO CAO ĐÀI Công Bố “Tuyên Ngôn Khai Đạo”**

Qua hơn năm năm Phổ Độ, số tín đồ Nhập môn càng ngày càng đông, tuy ngoài mặt nhà cầm quyền Pháp vẫn im lặng làm ngơ để Cao Đài hoạt động, nhưng bên trong họ đã ngầm ngấm theo dõi tất cả sinh hoạt của Cao Đài, những Vị lãnh đạo Cao Đài đã thừa biết sự hiểm ác trong chốn quan trường, nên họ không thể không tìm cách hợp thức hóa cho cộng đoàn Cao Đài được tự do hoạt động công khai. Vì họ biết rằng dù sống trong một Chính thể nào, mình có chống đối mặc lòng, nhưng cũng phải phục tùng Luật pháp của chế độ đó.

**Vào ngày 23 tháng 08 năm Bính Dần (Nhằm ngày thứ tư 29-09-1926), một cuộc họp gồm 247 đạo hữu tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, Thông phán Sở Tuần cảnh Sài gòn, cuộc họp dưới quyền chủ tọa của hai Ngài Lê Văn Trung và Lê Văn Lịch, bàn việc hợp thức hóa nền Đạo ra công khai, và để đạo hữu ký tên vào Tịch Đạo, cùng soạn Tờ Khai Đạo gửi cho nhà Cầm quyền Pháp. Đến ngày 01 tháng 09 Bính Dần, Tờ Khai Đạo do 28 vị cầm quyền Đạo đại diện cho 247 tín đồ, đồng ký tên vào Tờ Khai Đạo bằng Pháp văn, do Ngài Lê Văn Trung soạn thảo. Điều này tuy là do nhơn ý nhưng cũng đã được Đức Chí Tôn chấp thuận và phê duyệt.**

Tờ Khai Đạo được gửi lên cho Quan Thống Đốc Nam kỳ lúc đó là Ông Le Fol. Đây là một Tờ Tuyên Ngôn khai sáng một Tôn giáo lấy tên là **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**, chứ không phải là một Tờ đơn xin phép với chính quyền để mở một Hiệp Hội bình thường do Luật pháp quy định.

Sự kiện này ngay những giới chức cầm quyền người Pháp, họ cũng xem đây là một Tờ Tuyên Ngôn, vì chỉ đính kèm một Bản sao các Thánh Ngôn của Thượng Đế dạy, liên quan đến việc lập Đạo, bản sao Kinh nguyện và một Tờ Đạo Tịch mà thôi, còn nếu là một Đơn xin lập Hội, thì phải đính kèm nào là Điều Lệ, Nội Quy, còn phải có nhiều hồ sơ đính kèm khác v.v...

Tuy các nhà lãnh đạo Cao Đài lúc bấy giờ đã khôn ngoan là không xin phép mà Tuyên bố rằng sẽ hoạt động khắp hoàn cầu, nhưng Nhà Cầm quyền Pháp cũng khôn ngoan không

kém, họ vẫn giữ thái độ im lặng, không tuyên bố thừa nhận hay phản đối Bản Tuyên Ngôn này, do đó họ cũng không cấp Giấy phép hoạt động, để khỏi gánh chịu trách nhiệm về sau.

Sau đó Hội Thánh cũng gửi Tuyên Cáo đến các vị Hoàng Đế, Tổng Thống, Nguyên Thủ Quốc gia của các nước trên Thế giới, cùng nhờ các Cơ quan truyền thông báo chí, các Hiệp hội khắp Thế giới thông báo về sự khai sáng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên đất nước Việt Nam. Nhờ vậy mà thời điểm này nhà cầm quyền thuộc địa Pháp không có lý do ngăn cản, mà để Đạo Cao Đài truyền bá tự do.

(Phụ trách: HT. Mai văn Tím)

HẾT